

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH KON TUM**  
Số: 261/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Kon Tum, ngày 30 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh*

*mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung);*

*Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 170/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 và của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà tại Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 (kèm theo Thông báo số 279/TB-HĐTD ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc thông báo kết quả thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà và hồ sơ)<sup>(1)</sup>.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà, với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch: 84.503,8 ha, trong đó:
  - Đất nông nghiệp: 74.970,1 ha.
  - Đất phi nông nghiệp: 6.624,8 ha.
  - Đất chưa sử dụng: 2.908,9 ha.

*(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).*

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất: 318,1 ha, trong đó:
  - Thu hồi đất nông nghiệp: 313,9 ha, trong đó:
  - Thu hồi đất phi nông nghiệp: 2,1 ha, trong đó:
  - Thu hồi đất chưa sử dụng: 2,1 ha.

*(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).*

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất: 316,8 ha, trong đó:
  - Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 316,8 ha.

<sup>(1)</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến tại cuộc họp ngày 29 tháng 5 năm 2023.

*(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo).*

**4.** Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: 16,3 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 9,0 ha.
- Đất phi nông nghiệp: 7,3 ha.

*(chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo).*

*(kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất)*

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu với thực tế và theo đúng quy định của pháp luật trong hồ sơ trình. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thẩm định, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, thống nhất của hồ sơ, số liệu, tài liệu và nội dung trình.

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà có trách nhiệm:

**1.** Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện theo đúng quy định.

**2.** Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý, sử dụng đất đúng quy định pháp luật.

**3.** Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, chỉ được tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất khi đảm bảo các quy định của pháp luật, phù hợp với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch quản lý và phát triển rừng và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của cấp huyện; tuyệt đối không được hợp thức hoá đối với những diện tích đất vi phạm pháp luật khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không được hợp thức hóa các sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đã được các cơ quan Thanh tra chỉ ra, các phần diện tích đất bị chùng lán đã giao cho các Công ty cả phê trên địa bàn. Thực hiện thu hồi đất đối với trường hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải có văn bản chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 của Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 68 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Đối với các dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất

đai năm 2013 chỉ được thực hiện thu hồi đất khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch sử dụng đất.

5. Thực hiện tốt chính sách thu hồi, chuyển mục đích, giao cho thuê đất theo đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và các quy hoạch trên địa bàn huyện Đắk Hà.

7. Định kỳ hàng quý báo cáo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để theo dõi, tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Ngọc Sâm**

**Biểu số 1. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN ĐẮK HÀ.***(Kèm theo Quyết định số: 261 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Đơn vị tính (ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH thời kỳ 2021-2030	Diện tích năm 2023	Cơ cấu	Phân theo đơn vị hành chính										
						Xã Đăk Long	xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngok	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Môn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	TT Đăk Hà
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>84.503,8</b>	<b>84.503,8</b>	<b>100,0</b>	<b>6.029,4</b>	<b>26.505,8</b>	<b>6.777,6</b>	<b>4.500,5</b>	<b>3.672,1</b>	<b>9.580,2</b>	<b>5.056,2</b>	<b>3.805,5</b>	<b>6.313,4</b>	<b>10.715,7</b>	<b>1.547,4</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>70.567,3</b>	<b>74.970,1</b>	<b>88,67</b>	<b>5.025,7</b>	<b>24.494,3</b>	<b>6.168,3</b>	<b>3.502,7</b>	<b>3.096,9</b>	<b>8.569,6</b>	<b>4.303,6</b>	<b>2.515,0</b>	<b>5.888,2</b>	<b>10.384,7</b>	<b>1.021,2</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.084,5	2.283,2	2,68	116,2	138,5	121,8	62,1	284,8	286,4	628,1	27,8	147,8	225,9	243,5
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.023,8	2.283,2	2,68	116,2	138,5	121,8	62,1	284,8	286,4	628,1	27,8	147,8	225,9	243,5
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.438,2	8.365,8	9,89	1.169,9	1.366,8	452,8	127,5	328,8	1.408,0	196,4	14,1	1.172,3	2.127,3	1,7
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	22.212,1	24.921,2	29,45	1.597,9	1.439,5	3.606,4	2.361,1	2.122,0	1.320,9	3.391,9	2.429,2	3.940,7	1.950,8	760,8
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.586,3	16.252,6	19,23	-	13.948,7	222,4	283,6	99,6	1.416,9	-	-	-	281,4	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	525,3	546,6	0,65	-	-	-	546,6	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21.539,6	22.177,1	26,24	2.122,0	7.598,0	1.721,6	88,6	231,9	4.121,6	43,9	-	594,0	5.655,6	-
1.7	Đất nuôi trồng TS	NTS	233,0	237,5	0,28	6,7	2,8	43,2	22,2	28,7	15,6	39,3	33,7	22,4	7,6	15,2
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	948,3	186,2	0,24	13,0	-	-	11,0	1,1	-	4,0	10,1	10,9	136,0	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>11.791,6</b>	<b>6.624,8</b>	<b>7,89</b>	<b>358,7</b>	<b>736,9</b>	<b>462,7</b>	<b>989,5</b>	<b>526,3</b>	<b>311,2</b>	<b>724,6</b>	<b>1.290,5</b>	<b>409,9</b>	<b>288,5</b>	<b>525,8</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.349,1	108,7	0,13	-	100,0	-	3,0	-	-	-	0,1	4,8	-	0,7
2.2	Đất an ninh	CAN	57,6	57,2	0,07	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	51,0	1,6	0,2	0,1	3,6
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	137,2	102,6	0,13	-	-	-	37,2	-	-	65,4	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại	TMD	259,0	12,5	0,03	-	5,4	1,4	1,8	0,6	0,2	0,3	0,2	0,2	-	2,3

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH thời kỳ 2021-2030	Diện tích năm 2023	Cơ cấu	Phân theo đơn vị hành chính										
						Xã Đăk Long	xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngok	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Môn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	TT Đăk Hà
	dịch vụ															
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	302,2	77,5	0,09	0,2	0,7	1,9	9,9	-	-	21,0	8,3	0,5	15,2	19,8
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	106,2	3,0	0,00	-	-	3,0	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	279,7	84,7	0,11	2,6	6,3	10,5	-	3,3	-	62,0	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.718,7	4.513,6	5,33	236,3	449,4	232,5	792,8	434,7	188,6	392,8	1.168,1	259,7	111,0	247,6
-	Đất giao thông	DGT	1.644,2	1.041,3	1,21	67,7	114,8	93,8	98,0	72,9	57,5	122,2	100,4	97,1	71,3	145,6
-	Đất thủy lợi	DTL	1.102,6	956,7	1,13	21,4	5,0	24,7	63,8	325,9	112,0	172,1	55,3	146,1	21,1	9,4
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,8	2,1	0,00	-	0,3	0,4	-	-	-	-	0,3	-	0,1	1,0
-	Đất cơ sở y tế	DYT	7,2	5,0	0,01	0,7	0,2	0,3	0,1	0,5	0,2	0,2	0,2	0,6	0,2	1,8
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	68,0	65,5	0,08	3,8	4,8	8,5	6,2	2,5	4,3	5,9	2,9	4,8	2,1	19,8
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	33,5	30,2	0,04	1,9	1,4	4,8	3,2	1,3	1,8	2,6	0,1	3,6	2,5	6,8
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.688,4	2.299,1	2,72	132,2	315,0	89,1	615,9	22,7	-	72,7	990,2	-	0,1	61,3
-	Đất công trình bưu chính VT	DBV	1,2	1,1	0,00	-	0,0	0,2	0,0	0,2	0,0	0,0	0,0	0,3	0,1	0,2
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	5,0	3,4	0,00	-	-	-	-	-	0,2	1,1	2,1	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	19,7	5,2	0,01	-	-	-	-	-	-	-	5,2	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH thời kỳ 2021-2030	Diện tích năm 2023	Cơ cấu	Phân theo đơn vị hành chính										
						Xã Đắk Long	xã Đắk Pxi	Xã Đắk Hring	Xã Đắk Mar	Xã Đắk Ngọc	Xã Đắk Ui	Xã Đắk La	Xã Hà Môn	Xã Ngọc Wang	Xã Ngọc Réo	TT Đắk Hà
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,8	13,6	0,02	-	1,5	-	3,4	-	1,6	5,1	-	1,1	0,7	0,3
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	126,2	88,2	0,10	8,6	6,1	10,5	2,1	8,9	11,1	10,8	11,4	5,8	12,8	0,1
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	6,2	2,2	0,01	-	0,4	0,3	-	-	-	-	0,0	0,3	-	1,2
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	18,6	15,5	0,02	0,6	0,8	0,7	0,9	3,1	1,0	1,0	1,6	0,7	1,8	3,5
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	27,0	6,9	0,02	0,9	2,0	-	0,2	0,4	0,1	0,4	0,8	-	-	2,0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.188,5	657,0	0,79	27,8	36,9	124,3	114,6	48,0	43,9	91,0	91,1	50,0	29,5	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	576,6	210,4	0,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	210,4
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,4	11,6	0,01	1,2	0,3	0,6	1,1	1,5	0,6	0,4	0,8	0,8	0,6	3,6
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,8	2,5	0,00	-	0,0	0,3	-	0,2	-	0,04	1,1	0,1	-	0,7
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	705,1	711,3	0,84	88,9	134,8	87,3	16,4	28,5	74,2	30,1	4,2	92,4	128,5	26,1
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,0	49,9	0,06	-	0,1	-	11,6	6,0	2,5	9,3	12,5	0,5	1,8	5,6

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH thời kỳ 2021-2030	Diện tích năm 2023	Cơ cấu	Phân theo đơn vị hành chính										
						Xã Đắk Long	xã Đắk Pxi	Xã Đắk Hring	Xã Đắk Mar	Xã Đắk Ngok	Xã Đắk Ui	Xã Đắk La	Xã Hà Môn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	TT Đắk Hà
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.144,8	2.908,9	3,44	645,0	1.274,6	146,6	8,3	48,8	699,4	28,0	-	15,3	42,5	0,4





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Xã Đăk Long	Xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngọk	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Mòn	Xã Ngọk Wang	Xã Ngọk Réo	TT Đăk Hà	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,2	-	0,2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2,1</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>2,1</b>	-

**Ghi chú:** Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi thu hồi thì chỉ được thực hiện thu hồi đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

**Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Kèm theo Quyết định số: 261 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										Thị trấn Đăk Hà
				Xã Đăk Long	xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngok	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Mòn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>316,8</b>	<b>0,4</b>	<b>128,5</b>	<b>19,9</b>	<b>6,7</b>	<b>7,1</b>	<b>0,2</b>	<b>68,6</b>	<b>3,2</b>	<b>51,5</b>	<b>20,7</b>	<b>10,0</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	6,0	-	-	-	-	2,4	-	0,0	-	3,6	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	6,0	-	-	-	-	2,4	-	0,0	-	3,6	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	38,1	-	18,0	-	-	-	-	0,3	-	2,6	17,2	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	203,9	0,4	42,2	19,9	6,7	4,7	0,2	68,3	3,2	44,8	3,5	10,0
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	68,8	-	68,3	-	-	-	-	-	-	0,5	-	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**Ghi chú:** Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.





Biểu 10/CH

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023**  
**HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính		Căn cứ pháp lý	Quy hoạch, kế hoạch	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		Tờ bản đồ số	Số thửa đất số			
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh										
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh										
1.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng										
1	Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	100.00		100.00	CQP	Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2022 xã Đăk Pxi		Quyết định số 887/QĐ-QK ngày 14/6/2021 của Quân khu 5 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Bồi thường thu hồi đất, CMD, giao đất

									ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đắk Hà		
2	Nhà làm việc BCHQS xã Hà Mòn	0.10		0.10	CQP	Xã Hà Mòn	73	20	Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đắk Hà	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	CMD, giao đất
3	Nhà làm việc BCHQS xã Ngọc Wang	0.10		0.10	CQP	xã Ngọc Wang	48	75+76	Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đắk Hà	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	CMD, giao đất
<b>1.1.2</b>	<b>Công trình, dự án mục đích, an ninh</b>										
4	Nhà làm việc công an xã Đắk Mar	0.10		0.10	CAN	Xã Đắk Mar	64	17	Nghị quyết 12/NQĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương; Công văn số 3801/BCA-H01	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất
5	Nhà làm việc công an xã Hà Mòn	0.10		0.10	CAN	Xã Hà Mòn	73	20			

6	Nhà làm việc công an xã Đăk Long	0.19		0.19	CAN	Xã Đăk Long	16	446	ngày 01/11/2022 của Bộ Công an; Công văn số 3740/CAT-PH10 ngày 30/11 của Công an tỉnh Kon Tum			
7	Nhà làm việc công an xã Đăk Pxi	0.12		0.12	CAN	Xã Đăk Pxi	51	332				
8	Nhà làm việc công an xã Đăk Hring	0.13		0.13	CAN	Xã Đăk Hring	130	313				
9	Nhà làm việc công an xã Đăk Ngok	0.10		0.10	CAN	xã Đăk Ngok	38	403				
10	Nhà làm việc công an xã Đăk Ui	0.10		0.10	CAN	Xã Đăk Ui	41	503				
11	Nhà làm việc công an xã Đăk La	0.19	0.04	0.15	CAN	Xã Đăk La	27	1314				
12	Nhà làm việc công an xã Ngok Wang	0.15		0.15	CAN	xã Ngok Wang	48	75				
13	Nhà làm việc công an xã Ngok Réo	0.10		0.10	CAN	xã Ngok Réo	28	1022				
14	Nhà làm việc công an thị trấn Đăk Hà	0.04	0.04	-	CAN	Thị trấn Đăk Hà	9	353				
15	Cơ sở làm việc Công an huyện Đăk Hà.(cơ sở 2)	3.00		3.00	CAN	Thị trấn Đăk Hà	416, 418, 419, 426, 430	63 47 Bản đồ Công ty cà phê734			Nghị quyết 12/NQĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương; Công văn số 3801/BCA-H01 ngày 01/11/2022 của Bộ Công an; Văn bản số 3617/CAH-PH10 ngày 21/11/2022; Thông báo số 558-TB/HU ngày 21/12/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy Đăk Hà; Văn bản số 3531 ngày 23/12/2022 của UBND huyện Đăk Hà	Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030

1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	-	-								
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất	-									
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	-									
2	Các công trình, dự án còn lại										
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
16	Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà: trong đó:	11.00				Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất và CMD	
	Đất giao thông - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0.86		0.86	DGT						
	Đất trường Mầm non - Tiểu học - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0.05		0.05	DGD						
	Đất khu thể thao - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0.25		0.25	DTT						
	Đất chợ đầu mối - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0.36		0.36	DCH						

	Đất nhà văn hóa - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0.25		0.25	DVH					
	Đất ở tại nông thôn (các lô đất ở gia đình) - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	7.20		7.20	ONT					
	Đất cây xanh, công viên - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi	2.03		2.03	DKV					
17	Đất giao thông xã Đăk Pxi: Mở rộng đường lên khu sản xuất Đăk Pe	2.50	0.50	2.00	DGT	Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	KH 2022 chuyển sang 2023	Thu hồi đất và CMD
18	Đất giao thông xã Đăk Pxi: Mở rộng đường lên khu sản xuất Đăk Xoa	1.20	0.40	0.80	DGT	Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030 là đất rừng sản xuất	Thu hồi đất và CMD

19	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọc Wang đi xã Ngọc Réo	18.40	16.00	2.40	DGT	xã Ngọc Wang, xã Ngọc Réo	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất và CMD
20	Đường giao thông thôn Kon Ho Dré (Đoạn từ cuối đường liên thôn ra đường đi khu sản xuất Đăk Joang)	1.80	0.90	0.90	DGT	Xã Ngọc Réo	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất và CMD
21	Dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	18.83		18.83	DGT	Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ; Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất và CMD

22	Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cầm, thành phố Kon Tum	50.00		50.00	DTL	xã Ngọc Wang	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25/4/2023, HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất, chuyển mục đích, giao đất
23	Đường dây 220kV Bờ Y- Kon Tum đoạn qua huyện Đăk Hà	1.31		1.31	DNL	Xã Đăk Hring, xã Đăk Mar, thị trấn Đăk Hà, xã Hà Mòn, xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định 428/QĐ-TTG ngày 18/3/20216 của Thủ tướng Chính phủ	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
2.2	<b>Công trình, dự án sử dụng đất khác phục vụ công tác xác định giá đất, lập phương án bồi thường GPMB, chuyển mục đích SD đất, giao đất</b>										
24	<i>Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngọc, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngọc)</i>	2.24							Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 49/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích và lập đề án đầu QSD đất
	Đất ở tại nông thôn	1.96		1.96	ONT	xã Đăk Ngọc	45	150			
	Đất giao thông	0.28		0.28	DGT	Xã Đăk Ngọc					

									đồng nhân dân huyện Đăk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đăk Hà		
25	<b>Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Đông tại thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring</b>	<b>4.60</b>							Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND huyện Đăk Hà; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đăk Hà	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích, giao đất và đấu giá
	Đất Thương mại dịch vụ	0.17		0.17	TMD	Xã Đăk Hring	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				
	Đất giao thông	0.65		0.65	DGT						
	Đất nhà văn hóa thôn Kon Hnong Yốp	0.09		0.09	DVH						
	Đất khu thể thao	0.29		0.29	DTT						
	Đất ở tại nông thôn	3.40	-	3.40	ONT						
26	<b>Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân lập B và thôn Kon Hnông Yốp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà</b>	<b>6.78</b>								Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND huyện Đăk Hà; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đăk Hà	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030
	Đất giao thông	0.84		0.84	DGT	Xã Đăk Hring	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				
	Đất nhà văn hóa	0.30		0.30	DVH						
	Đất giáo dục	0.41		0.41	DGD						
	Đất khu thể thao	0.71		0.71	DTT						
	Đất ở tại nông thôn	4.52	-	4.52	ONT						

27	<b>Dự án Khai thác quỹ đất khu vực 4.7 ha tại xã Đăk Mar</b>	<b>4.81</b>				xã Đăk Mar	22	8	Nghị quyết số 49/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua Phương án sử dụng đất 5 năm (2021-2025) để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích, đầu giá
	Đất giao thông	0.63		0.63	DGT						
	Đất giáo dục	0.14		0.14	DGD						
	Đất cây xanh, công viên -	0.21		0.21	DKV						
	Đất trực sở cơ quan dự trữ	0.09		0.09	TSC						
	Đất ở tại nông thôn	3.74	-	3.74	ONT						
28	<b>Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin</b>	<b>571.90</b>				xã Ngok Réo	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Quyết định số 518/QĐ-UBND, ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh chấp nhận chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tập đoàn Ma Vin	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích, thuê đất thực hiện dự án đầu tư	
	Hệ thống chăn nuôi gia cầm, thủy cầm	50.00		50.00	NKH						
	Hệ thống chăn nuôi heo	86.00		86.00	NKH						
	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	5.00		5.00	SKC						
	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ	5.00		5.00	SKC						
	Hệ thống giết mổ và chế biến thực phẩm	5.00		5.00	SKC						
	Dự án trồng cây ăn quả lâu năm và cây lấy gỗ kết hợp vùng đệm sinh học	420.90	223.00	197.90	CLN						
	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng CNC Ma Vin	5.00	2.00	3.00	DGT						
29	Mở rộng cụm công nghiệp Đăk La (diện tích quy hoạch thời kỳ 2021-2030 là 70ha; Diện tích hiện trạng năm 20,94ha; Diện tích đăng ký kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 40ha)	65.44	20.94	44.50	SKN	Xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Quyết định số 684/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (thu hút đầu	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất, chuyển mục đích, thuê đất	

									tu)		
30	Khu thể thao thôn 7	0.50		0.50	DTT	xã Ngok Wang	60	513	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Xây dựng giá đất cụ thể; thu hồi đất, CMD để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM
31	Khu thể thao thôn Kon Brông	0.12		0.12	DTT	xã Ngok Wang	53	87	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất công ty TNHH MTV cao su Kon Tum, CMD để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM

32	Trạm y tế xã Đăk Pxi	0.17		0.17	DYT	Xã Đăk Pxi	51	233, 250	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2031	Xây dựng giá đất cụ thể; thu hồi đất, CMDĐ đề Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc tại xã Đăk Pxi
<b>2.3</b>	<b>Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất</b>										
<b>2.3.1</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>										
33	Dự án chăn nuôi gia súc gia cầm của hộ ông Trần Ngọc Sơn tại thửa đất số 28 + 220, tờ bản đồ 11 thôn Kon Dao Yốp, xã Đăk Long	3.87		3.87	NKH	Xã Đăk Long	11	28+220	Văn bản số 3421/UBND-TCKH ngày 16/12/2021 của UBND huyện Đăk Hà về chấp thuận dự án đầu tư chăn nuôi heo thịt tại thôn Kon Dao Yốp, xã Đăk Long	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích

34	Đất nông nghiệp khác xã Đăk La: Trang trại chăn nuôi gia cầm của ông Trần Văn Linh	0.80		0.80	NKH	Xã Đăk La	28	217	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Đăk La	Chuyển mục đích
35	Đất nông nghiệp khác xã Đăk La: Trang trại chăn nuôi ông Nguyễn Văn Thịnh	1.20		1.20	NKH	Xã Đăk La	24	296	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Đăk La	Chuyển mục đích
36	Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Cơ sở nuôi chim yến của hộ gia đình ông Lê Hồng Cương tại thôn 4, xã Hà Mòn	0.10		0.10	NKH	Xã Hà Mòn	40	12	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Hà Mòn	Chuyển mục đích
37	Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Cơ sở chăn nuôi yến sào TG Tây Nguyên (hộ gia đình ông Lâm Văn Giang) tại thôn Thống Nhất, xã Hà Mòn	2.30	1.30	1.00	NKH	Xã Hà Mòn	28	167+150	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đã tổng diện tích 2,47 (đã thực hiện 1,30)	Chuyển mục đích

38	Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Dự án trồng sản phẩm nông nghiệp sạch của hộ gia đình ông Nguyễn Duy Trung tại thôn 3, xã Hà Mòn	1.74		1.74	NKH	Xã Hà Mòn	1, 10 31, 36	13 7	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Hà Mòn	Chuyển mục đích
39	Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Dự án chăn nuôi của hộ gia đình bà Lê Thị Thu Hương tại thôn 5, xã Hà Mòn	0.13		0.13	NKH	Xã Hà Mòn	26	196	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Hà Mòn	Chuyển mục đích
40	Đất nông nghiệp khác tại xã Ngok Wang: Trang trại chăn nuôi dê của hộ gia đình ông Trần Văn Hòa tại thôn Đăk Duông	5.00		5.00	NKH	xã Ngok Wang	8	46, 137, 138, 116	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Hà Mòn	Chuyển mục đích
41	Đất nông nghiệp khác tại xã Ngok Wang: Trang trại của hộ gia đình ông Lê Tân Ánh tại thôn Đăk Duông	2.20		2.20	NKH	xã Ngok Wang	9	194.199	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Hà Mòn	Chuyển mục đích
42	Đất nông nghiệp khác xã Đăk Ui: Cơ sở chăn nuôi yếm hộ gia đình ông Phạm Trung Hải tại thửa đất 89, tờ bản đồ 03 (bản đồ giải thửa 2000) tại thôn 8, xã Đăk Ui	0.10		0.10	NKH	Xã Đăk Ui	47	159	Đơn đăng ký nhu cầu của nhân dân	QHSD đất thời kỳ 2021-2030 thuộc danh mục đất nông nghiệp khác xã Đăk	Chuyển mục đích

										Ui	
<b>2.3.2</b>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>										
43	Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi - (Điểm du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp hữu cơ)	5.10		5.10	TMD	Xã Đăk Pxi	27, 28, 3	651, 648, 653, 61, 66, 65, 2, 3	Quyết định số 684/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Văn bản số: 1348/VP-KTTH, ngày 14/5/2021 của Văn phòng - Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum giới thiệu địa điểm đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái Thác Đăk Pe, xã Đăk Psi, huyện Đăk Hà - Đơn đăng ký	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
44	Cửa hàng xăng dầu xã Đăk Pxi	0.11		0.11	TMD	Xã Đăk Pxi	50	350	Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo	Phù hợp QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
45	Cửa hàng xăng dầu Phương Nam	0.33		0.33	TMD	xã Đăk La	43	627	Sơ Kế hoạch - đầu tư đã thẩm định tại Văn bản số 22/SKHĐT-DN ngày 05/01/2022 Về dự án Cửa hàng xăng dầu Phương Nam 2 do DNTT Phương Nam đề xuất - Nhu cầu của	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích

									hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo		
46	Dịch vụ du lịch lòng hồ Plei Krông tại thị trấn Đắk Hà - điểm du lịch Suối Đá (thửa 70+93, TBD 48)	1.10		1.10	TMD	Thị trấn Đắk Hà	48	70+93	Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo	Phù hợp QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
47	Dịch vụ du lịch lòng hồ Plei Krông tại xã Đắk Mar - điểm du lịch Đắk Mút	1.20		1.20	TMD	Xã Đắk Mar	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo	Phù hợp QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
<b>2.3.3</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>										
48	Mở rộng Cơ sở thu mua chế biến bời lời tại thôn 1 xã Đắk La	0.50	0.20	0.30	SKC	xã Đắk La	43	763	Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo		Chuyển mục đích
49	Cơ sở thu mua chế biến nông sản tại xã Đắk Pxi (hộ gia đình ông Trần Ngọc Sang, thửa đất 144, tờ bản đồ 18)	0.10		0.10	SKC	Xã Đắk Pxi	18	144	Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	
<b>2.3.4</b>	<b>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</b>										
50	Mỏ đá Đắk La (diện tích quy hoạch thời kỳ 2021-2030: 70 ha; Diện tích hiện trạng 40ha; diện tích đăng ký bổ sung 22ha)	62.00	40.00	22.00	SKX	xã Đắk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt quy hoạch khoáng sản	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích

	Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, do Công ty TNHH Công nghệ Thương mại Thành Trung	6.47		6.47	SKX	xã Đăk La	36	Thửa đất 28, 31, 32, 37, 38, 41, 46, 49, 51, 52	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 128/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Kon Tum; Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Quyết định Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 586/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2031	Chuyển mục đích; giao đất
51	Đất làm VLXDĐT (Đất san lấp) số hiệu BS 29 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 161 - biểu 10CH của phường án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mô đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 3ha)	3.00		3.00	SKX	Xã Đăk Hring	43	180,183,198, 213,216,234, 233, 247, 250, 253, 250	Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; Thông báo số 3988/TB-VP ngày 19/10/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Làm cơ sở Đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thực hiện thủ tục thuê đất

52	Đất làm VLXDĐT (Đất san lấp) số hiệu BS 30 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 160 - biểu 10CH của phường án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mỏ đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 5,5ha)	4.69		4.69	SKX	Xã Đăk Hring	64	3, 4, 6, 7, 12, 18, 20	Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; Thông báo số 3988/TB-VP ngày 19/10/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Làm cơ sở Đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thực hiện thủ tục thuê đất
53	Đất san lấp phục vụ đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật: Đường từ Tinh lộ 671 (thôn 1 Hà Mòn) đến đường Lê Hồng Phong (Trung tâm Dạy nghề huyện)	3.25		3.25	SKX	Xã Đăk Ngok	7	46, 52, 66, 68, 74, 77, 78	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường từ Tinh lộ 671 (thôn 1 Hà Mòn) đến đường Lê Hồng Phong (Trung tâm Dạy nghề huyện).	Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030 (đất san lấp hạ tầng kỹ thuật)	Làm cơ sở Đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thực hiện thủ tục thuê đất
<b>2.3.5</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng</b>										
54	Trường mầm non Hòa My (Ông Hoàng Minh Tuấn đăng ký)	0.06	0.03	0.03	DGD	Thị trấn Đăk Hà	12	27	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2031	Chuyển mục đích để mở rộng trường
<b>2.3.7</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>										Chuyển mục đích
55	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Pxi	0.50	-	0.50	ONT	Xã Đăk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích

56	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Hring	0.45		0.45	ONT	Xã Đăk Hring	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
57	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Mar	0.28	-	0.28	ONT	Xã Đăk Mar	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
58	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ngok	1.45		1.45	ONT	xã Đăk Ngok	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
59	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk La	1.80		1.80	ONT	xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
60	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Hà Mòn	2.90		2.90	ONT	Xã Hà Mòn	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
61	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngok Wang	0.46		0.46	ONT	xã Ngok Wang	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
62	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngok Réo	0.30		0.30	ONT	xã Ngok Réo	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích

63	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ui	0.20		0.20	ONT	Xã Đăk Ui	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
64	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Long	0.40		0.40	ONT	Xã Đăk Long	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
<b>2.3.8</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>6.64</b>	<b>1.14</b>	<b>5.50</b>						Chuyển mục đích
65	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân thị trấn Đăk Hà	5.60		5.60	ODT	Thị trấn Đăk Hà	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đơn đăng ký của Hộ GD các nhân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Chuyển mục đích
<b>2.6</b>	<b>Các khu vực sử dụng đất khác</b>									
<b>2.6.1</b>	<b>Đất trồng lúa</b>									
66	Đấu giá QSDD công ích 5% do UBND xã Đăk La quản lý	20.00	20.00		LUC	Xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nhu cầu của UBND cấp xã (Đất do UBND xã quản lý; phục vụ công tác đấu giá và thuê đất công ích theo quy định của Luật đất đai)	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá
<b>2.6.2</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>									
67	Đấu giá QSDD công ích 5% do UBND Ngok Wang quản lý	6.70	6.70		CLN	xã Ngok Wang	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nhu cầu của UBND cấp xã (Đất do UBND xã quản lý; phục vụ công tác đấu giá và thuê đất công ích theo quy định của Luật đất đai)	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá

68	Thu hồi phần diện tích đất do các Công ty TNHH MTV cà phê 734 trên địa bàn huyện bàn giao về địa phương quản lý do Cổ phần hóa Doanh nghiệp theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	89.32	89.32	-	CLN	Thị trấn Đăk Hà	Nền bản đồ thuê đất của Công ty TNHH MTV cà phê 734	Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cà phê 734 thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam khi chuyển sang Công ty Cổ phần; Kết luận số 04/KL-TTr ngày 11/3/2020 của Thanh tra tỉnh Kon Tum	Phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất bàn giao về địa phương QL
69	Thu hồi phần diện tích đất do các Công ty TNHH MTV cà phê 704 trên địa bàn huyện bàn giao về địa phương quản lý do Cổ phần hóa Doanh nghiệp theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	89.32	49.32	-	CLN	xã Đăk Hring, Đăk Mar, Đăk Ngok	Nền bản đồ thuê đất của Công ty TNHH MTV cà phê 731	Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV cà phê 704 thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam khi chuyển sang Công ty Cổ phần; Kết luận số 04/KL-TTr ngày 11/3/2020 của Thanh tra tỉnh Kon Tum	Phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất bàn giao về địa phương QL

70	Thu hồi phần diện tích đất do các Công ty cà phê Đắk Uy trên địa bàn huyện bàn giao về địa phương quản lý do Cổ phần hóa Doanh nghiệp theo phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt	0.62	0.62	-	CLN	Xã Hà Mòn	Nền bản đồ thuê đất của Công ty cà phê Đắk Uy	Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty cà phê Đắk Uy thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam khi chuyển sang Công ty Cổ phần; Kết luận số 04/KL-TTr ngày 11/3/2020 của Thanh tra tỉnh Kon Tum	Phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất bàn giao về địa phương QL
71	Thu hồi phần diện tích nhỏ lẻ manh mún của Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum tại xã Đắk Hring (gồm 06 vị trí)	1.00		1.00	CLN	Xã Đắk Hring	Nền bản đồ thuê đất của Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Theo kết quả làm việc giữa UBND huyện Đắk Hà với Công ty TNHH MTV cao su Kon Tum ngày 02/3/2023	Phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021-2030	Thu hồi đất bàn giao về địa phương QL
<b>2.6.3</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>									
72	Đất công ty Nguyên liên giấy Miền Nam lập hồ sơ thuê đất theo nội dung Công văn số 4308/UBND-NNTH ngày 6/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum	40.75	40.75	-	RSX	xã Đắk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Công ty Nguyên liên giấy Miền Nam đăng ký theo Công văn số 120/CV-NLGMN.2022 ngày 20/12/2022	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030 là đất rừng sản xuất	Thuê đất bổ sung
	42.35	42.35		RSX	xã Đắk Long					
	27.85	27.85		RSX	xã Đắk Hring					
73	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Đắk Pxi (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	105.00	105.00	-	RSX	xã Đắk Pxi	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ	Trồng rừng

	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Đăk Long (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	60.00	60.00	-	RSX	xã Đăk Long	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		huyện Đăk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đăk Hà	2021-2030 là đất rừng sản xuất	Trồng rừng
	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Đăk Hring (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	60.00	60.00		RSX	xã Đăk Hring	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				Trồng rừng
	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Đăk Mar (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	10.00	10.00		RSX	xã Đăk Mar	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				Trồng rừng
	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Đăk Ui (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	100.00	100.00		RSX	xã Đăk Ui	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				Trồng rừng
	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Ngọc Wang (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	50.00	50.00		RSX	xã Ngọc Wang	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				Trồng rừng
	Dự án trồng rừng năm 2023 tại xã Ngọc Réo (theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 12/11/2021)	60.00	60.00		RSX	xã Ngọc Réo	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất				Trồng rừng
<b>2.6.4</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng</b>										
<i>a</i>	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>										
74	Trường Phổ thông DTNT huyện Đăk Hà	3.00	3.00	-	DGD	Thị trấn Đăk Hà	44,45 11 56	2 4 40	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây mới Trường dân tộc nội trú huyện Đăk Hà (điều chỉnh diện tích đất từ trung	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Giao đất



76	Thủy điện Đăk Pxi 6 (bổ sung)	6.63	6.63		DNL	Xã Đăk Long	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất		Quyết định 507/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh dự án Thủy điện Đăk Pxi 6 của Công ty CP Thủy điện Đăk Pxi 6 và Đơn đăng ký ngày 10/11/2022		
<b>2.1.2.8</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>										
77	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà	0.28	0.28	-	TSC	Thị trấn Đăk Hà	26	41	Quyết định 929/QĐ-BTP ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư trụ sở cơ qua THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum; Thông báo số 969-TB/HU, ngày 05/6/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Văn bản số 1330/UBND ngày 03/6/2021 của UBND huyện Đăk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030 (điều chuyển tài sản công	Điều chuyển tài sản công từ UBND huyện sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh (phục vụ công tác giao đất)

78	Chi cục thống kê huyện Đắk Hà	0.05	0.05	-	TSC	Xã Hà Môn	63	315	Quyết định số 1746/QĐ-BKHĐT ngày 31/10/2022 của Bộ Kế hoạch đầu tư về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Thống kê khu vực và huyện vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ giai đoạn 2022 - 2024; Công văn 312/CTK-TCHC ngày 12/10/2022 của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum; Tờ trình số 06/TTr-CCTK ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc xin cấp đất xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thống kê huyện Đắk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030 (điều chuyển tài sản công)	Điều chuyển tài sản công từ UBND huyện sang Cục Thống kê (phục vụ công tác giao đất)
<b>2.1.2.6</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>										
79	Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Đắk Hring đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0.06	0.06	-	ONT	Xã Đắk Hring	130	189, 301	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất

80	Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại xã Đăk Mar	1.50	1.50	-	ONT	Xã Đăk Mar	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
81	Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Đăk Mar	0.03	0.03		ONT	Xã Đăk Mar	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
82	Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Hà Mòn	0.02	0.02	-	ONT	Xã Hà Mòn	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2022 xã Hà Mòn	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
83	Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thôn 1, xã Đăk La	0.01	0.01	-	ONT	xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất

									66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà		
84	Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 (thửa đất số 12 tờ bản đồ 69), tại thôn 3, đường Trường Chinh	0.01	0.01	-	ONT	Xã Hà Mòn	69	72	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
85	Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Đình Chiểu, thôn 5, xã Hà Mòn (lô 32, 52, khu A; lô 39, khu K)	0.09	0.09	-	ONT	Xã Hà Mòn	63, 61	Lô số 32, 52 khu A; Lô số 39, 40, 41 khu K	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
86	Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại xã Hà Mòn	2.00	2.00	-	ONT	Xã Hà Mòn	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng		Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất

87	Đầu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Ngok Wang đã đầu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0.15	0.15	-	ONT	xã Ngok Wang	48	330, 331	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đầu giá QSD đất
88	Đầu giá QSD sử dụng đất tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 28 - tại xã Ngok Réo	0.07	0.07	-	ONT	xã Ngok Réo	28	233	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đầu giá QSD đất
<b>2.1.2.7</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>6.64</b>	<b>1.14</b>	<b>5.50</b>							Đầu giá QSD đất
89	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Thượng Hiền, Tổ dân phố 2B, thị trấn Đắk Hà	0.17	0.17	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	60	468	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đầu giá QSD đất
90	Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Hai Bà Trưng, thị trấn Đắk Hà	0.13	0.13	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	50	650, 651, 652, 653, 654	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đầu giá QSD đất

									25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy		
91	Đấu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại khu E, tổ dân phố 7, thị trấn Đắk Hà	0.24	0.24		ODT	Thị trấn Đắk Hà	50	631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
92	Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731, tại TDP 2B, thị trấn Đắk Hà	0.06	0.06	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	24	69	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	KH 2022 chuyển sang 2023 - Có trong QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
93	Đấu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Quang Trung, thị trấn Đắk Hà	0.03	0.03		ODT	Thị trấn Đắk Hà	20	Lô số 32 c	Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đắk Hà, Thông báo số 360-TB/HU ngày 25 tháng 02 năm 2022 Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất

94	Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thị trấn Đắk Hà (gồm 11 vị trí)	0.10	0.10	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
95	Đấu giá đất nhỏ hẹp thuộc quỹ đất tạo vốn do UBND thị trấn quản lý tại thị trấn Đắk Hà (04 vị trí)	0.03	0.03	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất
96	Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại thị trấn Đắk Hà (tại đường Hùng Vương, đường Hoàng Thị Loan, đường Nguyễn Bình Khiêm)	0.18	0.18	-	ODT	Thị trấn Đắk Hà	Nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Thông báo số 496-TB-HU ngày 07/10/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; Công văn số 66/TTHĐND-TH ngày 07/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà	Phù hợp với quy hoạch QHSD đất thời kỳ 2021-2030	Đấu giá QSD đất

## **BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN ĐẮK HÀ**

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*" và tại Điều 45 Khoản 3 quy định "*Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*".

Luật đất đai năm 2013 quy định kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh là 5 năm. Tuy nhiên, đối với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất, tại Khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được tiến hành hàng năm nhằm đảm bảo tính khả thi*".

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà tổ chức triển khai lập "***Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà***".

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đăk Hà được UBND Tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định 160/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và dựa trên như cầu danh mục các dự án đăng ký quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà.

Thực hiện Công văn số 2758/STNMT-QHKHSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện. UBND huyện Đăk Hà phối hợp với Đơn vị tư vấn tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

### **I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN ĐẮK HÀ.**

#### **1. Những căn cứ pháp lý**

Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh diện tích 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum; của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung);

Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Hà đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung Điều 9 của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định về việc khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2025;

Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đăk Hà;

Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà-tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà;

Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà;

Công văn số 1840/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện;

Thông báo số 466-TB/HU ngày 18/8/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thống nhất chủ trương đối với Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 04/8/2022 của UBND huyện.

Các văn bản áp dụng trong Lập quy hoạch sử dụng đất của huyện Đăk Hà.

## **2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ**

- Các Nghị quyết, Báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Đăk Hà, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025;

- Hồ sơ tài liệu kết quả kiểm kê đất đai năm 2010, 2014, 2019; thống kê đất đai năm 2022;

- Niên giám thống kê, số liệu thống kê huyện Đăk Hà năm 2022;

- Báo cáo tổng kết công tác Tài nguyên và Môi trường qua các năm 2011 đến năm 2022;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện và cấp xã của huyện Đắk Hà;
- Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum và trên địa bàn huyện Đắk Hà;
- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Hà;
- Hồ sơ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã của huyện Đắk Hà;
- Hồ sơ quy hoạch chung thị trấn Đắk Hà;
- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, thị trấn;
- Các số liệu, tài liệu có liên quan khác có liên quan.

## **II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN ĐẮK HÀ.**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là biện pháp để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, tỉnh, huyện trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật về đất đai và các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, của Tỉnh. Mặt khác theo quy định của Luật Đất đai, Nhà nước quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Do đó mục đích lập kế hoạch hàng năm sử dụng đất được thể hiện ở các nội dung:

- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nhằm làm rõ những mục tiêu đạt được và chưa đạt được, các tồn tại vướng mắc trong khi thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.
- Cụ thể hoá các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp trên thực hiện trên địa bàn huyện.
- Bảo vệ đất trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài.
- Góp phần quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai; làm cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- Định hướng cho cấp xã trong công tác quản lý, sử dụng đất; lập các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, ...
- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành của tỉnh và huyện trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện tại và tương lai của các ngành trên địa bàn huyện có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.
- Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái; hình thành các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Ổn định và phát triển các khu dân cư; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Chủ quản dự án: UBND huyện Đắk Hà.
- Chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đắk Hà.
- Cơ quan tư vấn thực hiện: Công ty TNHH tư vấn xây dựng PQH.
- Cơ quan phối hợp: Các Phòng, ban và UBND các xã, thị trấn, huyện Đắk Hà.

---

---

#### **IV. CÁC SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO**

##### **1. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 toàn huyện**

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà (*kèm theo bảng biểu tổng hợp theo quy định và các phụ biểu*).

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Hà, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ và báo cáo chuyên đề.

##### **2. Nội dung chính của báo cáo gồm.**

- Phần mở đầu: Đặt vấn đề.

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Phần III: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Phần IV: Giải pháp tổ chức, thực hiện

- Phần V: Kết luận và kiến nghị.

**Phần I.****KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.****I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:****1. Vị trí địa lý:**

Huyện Đăk Hà nằm về phía Bắc tỉnh Kon Tum, cách trung tâm thành phố Kon Tum 20 km theo Quốc lộ 14; có tổng diện tích tự nhiên 84.503,78 ha, với 11 đơn vị hành chính gồm: Thị trấn Đăk Hà, xã Đăk La, xã Hà Mòn, xã Đăk Mar, xã Đăk Hring, xã Đăk Ui, xã Ngok Wang, xã Ngok Réo, xã Đăk Ngok, xã Đăk Long và xã Đăk Pxi.

Toạ độ địa lý:

- 14°38'55" đến 14°49'55" vĩ độ Bắc.

- 107°51'05" đến 107°06'30" kinh độ Đông.

Tiếp giáp với các đơn vị hành chính sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông.

+ Phía Nam giáp TP. Kon Tum.

+ Phía Đông giáp huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy.

+ Phía Tây giáp huyện Đăk Tô và huyện Sa Thầy.

Đăk Hà có tuyến Quốc lộ 14 (*đường Hồ Chí Minh*) chạy qua địa bàn 4 xã (*Đăk Hring, Đăk Mar, Hà Mòn, Đăk La*) và thị trấn Đăk Hà, đây là tuyến giao thông huyết mạch nối các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Miền Trung. Vì vậy huyện Đăk Hà có vị trí rất quan trọng và thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu thương mại với các khu vực khác trong tỉnh, vùng Tây Nguyên, Miền Trung và đặc biệt là khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

**2. Địa hình địa mạo:**

Nằm trong khu vực có địa hình đồi núi trung bình và khu vực thấp trũng của tỉnh Kon Tum. Nhìn chung địa hình của huyện cao ở phía Tây - Tây Nam. Địa hình chia cắt phức tạp với nhiều đỉnh núi cao từ 580m - 1540m rồi thoải nghiêng dần về phía Tây - Nam với những vùng khá bằng phẳng, chia cắt nhẹ, có dạng lượn sóng. Độ dốc các sườn núi từ 15° đến 25°. Địa hình của huyện được chia thành 3 dạng chính:

- *Dạng địa hình núi cao*: Phân bố phía Bắc và Đông Bắc huyện, diện tích khoảng 54.260 ha, chiếm 64,3% tổng diện tích tự nhiên, là vùng đầu nguồn sông Đăk Pô Kô với các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây nam. Độ cao trung bình từ 750 - 1540m so với mực nước biển, độ dốc trung bình > 25°. Ở phía Đông thuộc xã Đăk Pxi có các đỉnh núi cao như: Ngok Luh (1.508m), Ngok Đroa (1.127m), Ngok Mo (1.250m); phía Tây có các đỉnh núi Ngok Đơ (1.053m), Ngok Siê (1.542m). Phía Đông xã Đăk Ui có các dãy núi Nor Kon Rol (1.309m), Ngok Tiu (1.250m), Nor Tia (1.361m), Ngok Dhon (1.115m); Phía Nam có ngọn núi Ngok Kon Réo (1.105m). Xã Ngok Réo có các con núi cao như Kon Broi (850m), núi Cu Brê Mông (1.250m). Trên dạng địa hình này chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên và rừng phòng hộ.

- *Dạng địa hình đồi trung bình*: Diện tích khoảng 18.300 ha, chiếm 21,7% tổng diện tích tự nhiên, có độ cao trung bình từ 500 - 650m so với mực nước

biển, phân bố phía Nam và Tây Nam huyện, bao gồm các dãy đồi núi thấp tiếp giáp giữa vùng núi cao và vùng thấp trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện, dọc 2 bên quốc lộ 14, địa hình có dạng lượn sóng chia cắt nhẹ. Việc phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình dân sinh của huyện đều tập trung trên dạng địa hình này. Phần còn lại là diện tích rừng tự nhiên nằm tiếp giáp với khu vực đồi núi cao.

- *Dạng địa hình bằng trũng*: Phân bố dọc sông Đăk Pô Kô và các khe suối, diện tích khoảng 11.800 ha chiếm khoảng 14% diện tích tự nhiên, đây là dạng địa hình được bồi tụ ở hạ lưu sông suối nên khá bằng phẳng, tạo thành các dải đồng bằng hẹp dọc hai bên suối. Thực vật chủ yếu là cây cà phê, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày.

### 3. Khí hậu:

Huyện có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng cao nguyên. Một năm có 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- **Chế độ mưa**: Trung bình năm 1.750 - 1.850mm, khu vực phía Bắc huyện do chịu ảnh hưởng của khí hậu núi cao trung bình Tây Ngọc Linh lượng mưa lớn hơn phổ biến từ 1.800 - 1.850mm, khu vực phía Tây Nam huyện chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng trũng Kon Tum, lượng mưa phổ biến từ 1.750 - 1.800mm. Chế độ mưa được chia thành hai mùa:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới 80% - 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa nhiều thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 9, lượng mưa bình quân tháng đạt khoảng 350 mm.

+ Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Tháng có lượng mưa ít từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau, lượng mưa trung bình phổ biến khoảng 5,1mm, tháng 1 hầu như không có mưa.

- **Nhiệt độ**: Trung bình năm 23,4<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình nóng nhất là tháng 3 và tháng 4 (24,5 - 25,5<sup>0</sup>C), nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất là tháng 12 và tháng 1 (18 - 20<sup>0</sup>C), đây là tiểu vùng khí hậu nóng nhất trong tỉnh. Do đặc điểm của địa hình ở khu vực phía Bắc huyện nhiệt độ thấp hơn.

- **Chế độ ẩm**: Chế độ ẩm phụ thuộc vào chế độ mưa và theo khu vực. Thời kỳ hình thành gió mùa Tây Nam (tháng 5 đến tháng 10) là thời kỳ có độ ẩm cao (từ 85% - 95%), thời kỳ hình thành gió mùa Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là thời kỳ khô hạn, độ ẩm thấp (70%). Độ ẩm trung bình năm 80% trong đó các vùng núi cao như vùng phía Đông bắc huyện có độ ẩm cao 95%. Các vùng bình nguyên, vùng trũng thấp độ ẩm 75- 80%. Tháng có độ ẩm thấp nhất 70% (tháng 3), tháng có độ ẩm cao nhất 95% (tháng 8).

- **Lượng bốc hơi**: Cũng mang đặc thù của vùng Tây Nguyên, khu vực huyện Đăk Hà có lượng bốc hơi khá lớn, trung bình trên 1232,9 mm.

- **Chế độ gió**: Chế độ gió phụ thuộc theo mùa với hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió trung bình 5,2m/s. Khu vực huyện không có bão.

+ Gió Đông Bắc xuất hiện vào các tháng mùa mưa, bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,0 - 5,5 m/s, riêng khu vực phía Bắc huyện do địa hình cao nên tốc độ gió có thể đạt từ 4,5 - 5,5 m/s.

+ Gió Tây và Tây Nam xuất hiện trong các tháng mùa khô từ tháng 5 đến tháng 10, tốc độ gió đạt từ 2,5 - 3,5 m/s.

Nhìn chung điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, tuy nhiên có yếu tố không thuận lợi là lượng mưa trong năm phân bố không đều, vào các tháng mùa mưa lượng nước tập trung lớn, gây xói mòn mạnh ở những vùng đất dốc và ngập úng những vùng thấp trũng. Mùa khô quá dài cùng với cường độ khô bình quân cao cho nên làm cây trồng thiếu nước trầm trọng. Độ ẩm không khí thấp. Đây là vấn đề đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, đặc biệt chú trọng tăng cường diện tích rừng, vườn rừng, đai rừng, cây che bóng, cây xanh trong huyện, nâng cao tỷ lệ che phủ, kéo dài thời gian giữ nước, giữ ẩm trong mùa khô, giảm thiểu tình trạng khô kiệt, xây dựng và cải tạo nâng cấp hệ thống các hồ đập để đảm bảo sự phát triển một cách bền vững.

#### **\* Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

Trong những năm qua ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Khí hậu trái đất nóng lên đã làm cho thời tiết, khí hậu không còn diễn biến theo quy luật có thể dự báo trước mà luôn diễn ra bất thường không thể lường trước để đối phó được với các hiện tượng khí hậu cực đoan như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây lũ lụt, nắng nóng gây hạn hán, rét đậm...

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng tần suất và cường độ thiên tai như bão, lũ, hạn hán, mưa lớn, nắng nóng... và có thể trở thành thảm họa, gây rủi ro lớn cho phát triển kinh tế, xã hội hoặc xóa đi những thành quả nhiều năm của sự phát triển. Sự gia tăng của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai, cả về tần số, cường độ và độ bất thường do BĐKH là mối đe dọa thường xuyên, trước mắt và lâu dài đối với tất cả các lĩnh vực, các vùng và các cộng đồng.

- Biến đổi khí hậu có thể dẫn đến 5 nguy cơ lớn: Giảm năng suất nông nghiệp; gia tăng tình trạng thiếu nước; thời tiết cực đoan gia tăng; các hệ sinh thái tan vỡ và bệnh tật gia tăng.

- Năm 2015, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên được đánh giá là năm có số ngày nắng nóng trên 39<sup>0</sup> C nhiều nhất trong gần 50 năm qua đã gây ra hạn hán ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện: thiếu nước sản xuất, sinh hoạt nên.

- Ảnh hưởng về sa mạc hoá, xói mòn, sạt lở đất:

+ Nguy cơ sa mạc hóa: biến đổi khí hậu đã gây ra nắng nóng các năm 2014, 2015; đặc biệt là hạn hán năm 2015 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp huyện; làm cho cây trồng bị hạn hán mất mùa, đất sản xuất nông nghiệp nhiều xã do thiếu nước tưới phải bỏ hoang, nắng nóng gây nguy cơ cháy rừng,... Lượng mưa thấp làm cho các hồ chứa nước thủy lợi không đạt công suất thiết kế, hiệu quả tưới các công trình thủy lợi đạt thấp; các hồ Đăk Ui, sông Pô Cô, sông Đăk Pxi, Suối Đăk Uy không đủ nước nên hiệu quả tưới tiêu không cao.

+ Gây xói mòn đất: Mấy năm qua mùa mưa thường ngắn, lượng mưa không lớn nên mặc dù có gây ngập, lụt một số nơi nhưng ở mức độ thấp; chưa gây sạt

lở đất. Tuy vậy, do huyện có trên 10.000 ha đất canh tác nương rẫy (trồng sắn, ngô, ...) trên đất dốc 20-25 độ, đất có thành phần cơ giới nhẹ nên hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất tầng mặt xảy ra là tất yếu. Vì vậy để canh tác bền vững và bảo vệ tài nguyên đất chống lại biến đổi khí hậu thì cần chuyển các vùng đất canh tác nương rẫy sang trồng cây lâu năm hoặc trồng rừng.

+ Sạt lở đất: Trong vài năm trở lại đây, dòng sông Đăk Pxi đã lấn vào diện tích đất sản xuất của người dân. Hàng năm, các loại hoa màu trồng gần bờ sông đều bị nước cuốn trôi, gây thiệt hại về kinh tế.

- Để việc sử dụng đất có hiệu quả, bền vững, không bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu sau này thì chúng ta phải có chiến lược đầu tư thích hợp. Cụ thể:

+ Do sự gia tăng của nền nhiệt độ, trong sản xuất nông nghiệp cần xem xét cơ cấu cây trồng, mùa vụ cho thích hợp với nền nhiệt độ ẩm áp dần.

+ Bảo vệ tài nguyên rừng hiện có và đẩy mạnh công tác trồng mới và khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên để tăng độ che phủ, cải tạo khí hậu, điều tiết dòng chảy mùa mưa để hạn chế ngập lụt.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước các đô thị mới và cải tạo các đô thị cũ để thoát nước nhanh, hạn chế ngập lụt trong mùa mưa lũ.

+ Xây dựng các hồ chứa nước và xây dựng kế hoạch xả lũ các nhà máy thủy điện, hồ thủy lợi cho sát với tình hình thực tế của từng năm để tránh lũ chồng lũ.

+ Chú trọng xây dựng kè chống sạt lở ven sông để tránh thiệt hại về đất ở, đất sản xuất khi mùa mưa đến.

#### **4. Thủy văn:**

Đặc điểm của hệ thống sông suối trên địa bàn huyện là hình thành ở những khu vực có địa hình cao, dốc nên sông suối thường hẹp và biến đổi mạnh mẽ theo thời gian. Hàng năm có hai mùa dòng chảy: mùa lũ và mùa kiệt. Mùa lũ thường đến muộn hơn mùa mưa 2 tháng, lũ thường bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, với lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm trên dưới 70% lượng dòng chảy năm.

Mùa kiệt kéo dài 7 tháng từ tháng 12 năm trước đến tháng 6 năm sau. Lượng dòng chảy mùa kiệt chỉ chiếm khoảng 30% lượng dòng chảy năm, các tháng 2, 3 và tháng 4 là thời điểm kiệt nhất.

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá phong phú, phần lớn là sông suối đầu nguồn. Với những sông suối chính như sau:

- Sông Pô Kô: Là sông chính của tỉnh Kon Tum. Bắt nguồn từ vùng núi Ngok Linh - Đăk Glei, chảy về phía Nam nhập với sông Đăk Bla hợp thành sông Sê San đổ về sông Mê Kông, đoạn chảy qua ranh giới phía tây của huyện dài 14 km. Sông có nước quanh năm nhưng có bờ dốc, trên sông có nhiều ghềnh thác nên việc khai thác nước tưới cũng như giao thông đường thủy không thuận lợi.

- Sông Đăk Pxi: Bắt nguồn từ phía Nam dãy Ngok Linh chảy về hướng Tây Nam nhập vào sông Pô Kô, đoạn chảy qua huyện dài 40 km, sông có nước quanh năm nhưng do bờ suối cao, dốc nên khó khăn trong việc khai thác nguồn nước mặt để sản xuất nông nghiệp.

- Suối Đăk Ui: Bắt nguồn từ dãy Ngok Biang và Ngok Kon Reo ở trung tâm huyện chảy về phía tây và đổ vào sông Pô Kô. Là suối lớn có nước quanh năm, bờ suối ít dốc có nhiều vị trí thuận lợi để xây dựng đập dâng phục vụ sản xuất.

- Các nhánh suối khác: Suối Đắc La, Đắc Kam, Đắc Hring với tổng chiều dài chảy trên địa bàn huyện khoảng 700 km.

## 5. Các nguồn tài nguyên

### 5.1. Tài nguyên đất:

Theo bản đồ đất tỉ lệ 1/100.000 của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp xây dựng năm 1978, có rà soát bổ sung và biên tập lại năm 2005, trên địa bàn huyện Đắc Hà có 5 nhóm đất chính:

**Biểu 1: Thống kê loại đất theo độ dốc, tầng dày**

Ký hiệu đất	Độ dốc	Tầng dày					Tổng số
		1	2	3	4	5	
D		182,52					182,52
<b>Tổng D</b>		<b>182,52</b>					<b>182,52</b>
Fa	I	38,71					38,71
	II	358,77	216,16				574,93
	III	475,81	361,46				837,27
	IV	907,53		218,65	190,48		1.316,66
	V		510,74			25,68	536,42
	VI					990,23	990,23
<b>Tổng Fa</b>		<b>1.780,83</b>	<b>1.088,36</b>	<b>218,65</b>	<b>190,48</b>	<b>1.015,91</b>	<b>4.294,23</b>
Fp	I	2.464,54					2.464,54
	II	2.594,11					2.594,11
	III	4.093,00	61,80				4.154,80
	IV	801,94					801,94
<b>Tổng Fp</b>		<b>9.953,59</b>	<b>61,80</b>				<b>10.015,39</b>
Fq	II	122,21					122,21
	III	335,19					335,19
<b>Tổng Fq</b>		<b>457,40</b>					<b>457,40</b>
Fs	I	1.614,03					1.614,03
	II	3.606,64					3.606,64
	III	3.183,97	547,56				3.731,54
	IV	3.849,87	1.246,60	428,64	278,16		5.803,27
	V	3.601,17	3.232,94	329,02			7.163,12
	IV	4.966,79	20.386,57				25.353,36
<b>Tổng Fs</b>		<b>20.822,47</b>	<b>25.413,67</b>	<b>757,65</b>	<b>278,16</b>		<b>47.271,96</b>
Ha	VI	281,64					281,64
<b>Tổng Ha</b>		<b>281,64</b>					<b>281,64</b>
Hs	V	1.537,10					1.537,10
	VI	19.003,63					19.003,63
<b>Tổng Hs</b>		<b>20.540,73</b>					<b>20.540,73</b>
Py		910,12					910,12
<b>Tổng Py</b>		<b>910,12</b>					<b>910,12</b>
Xa	I	60,81					60,81
<b>Tổng Xa</b>		<b>60,81</b>					<b>60,81</b>
Ho		557,62					557,62
<b>Tổng Ho</b>		<b>557,62</b>					<b>557,62</b>

Ký hiệu đất	Độ dốc	Tầng dày					Tổng số
		1	2	3	4	5	
Tổng cộng		55.547,73	26.563,84	976,30	468,64	1.015,91	84.572,42

### (1). Nhóm đất thung lũng dốc tụ (D)

Diện tích 182,52 ha, phân bố rải rác ven hợp thủy, suối, đất có tầng dày, địa hình khá bằng, thành phần cơ giới thịt nặng, đã được khai thác trồng lúa nước.

(2). **Nhóm đất đỏ vàng:** Đây là nhóm đất chính của huyện, diện tích 62.038,98 ha, chiếm 73,36% tổng diện tích tự nhiên. Được hình thành trên đá mẹ bazan và phiến sét, thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, điều, cây ăn quả, dâu tằm và hoa màu. Tuy vậy khả năng sử dụng của đất phụ thuộc rất nhiều vào độ dày tầng đất hữu hiệu. Nhóm đất này trên địa bàn huyện gồm loại đất:

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Diện tích ít nhất trong nhóm đất đỏ vàng 4.294,23 ha, chiếm 6,97%. Đất có thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ phần nhiều là cát và thạch anh (>85% cát), kết cấu viên cục nhỏ, tỷ lệ hữu cơ trong đất thấp đến trung bình 0,5 - 1,5%, đạm tổng số 0,05 - 0,1%, lân trong đất rất nghèo 0,01 - 0,05%, Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình 2 - 2,5%. Diện tích đất đỏ vàng ít, nhưng chất lượng đất kém.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): Diện tích 10.015 ha, chiếm 16,14% diện tích nhóm đất đỏ vàng và chiếm 11,84% diện tích tự nhiên. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ phì trung bình, nghèo lân và chua. Tầng dày >100 cm, phân bố ở địa hình đồi lượn sóng, độ dốc 8 - 15<sup>0</sup>, thích hợp với cây công nghiệp hàng năm, lâu năm và cây ăn quả.

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): Diện tích 457,40 ha, chiếm 0,74% diện tích nhóm đất đỏ vàng. Loại đất này có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất từ 30-50cm, pH<sub>kcl</sub> = 4,0-4,8, nghèo mùn và các dinh dưỡng dễ tiêu, song hàm lượng kali khá, hàm lượng nhôm di động và độ no bazơ thấp.

- Đất đỏ vàng hình thành trên đá phiến sét (Fs): Diện tích 47.271,96 ha chiếm 76,20% diện tích nhóm đất đỏ vàng và chiếm 55,90% diện tích đất tự nhiên của huyện. Loại đất này có thành phần cơ giới trung bình đến nặng, cấu tượng tầng cục sắc cạnh, cấu tượng chặt. Cấp hạt sét chiếm đến 45-55% và lên đến 60% ở các tầng tích tụ. Đất thường chua, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp. Mùn, đạm trung bình, nghèo lân và nghèo kali (pH<sub>h2o</sub>: 4,5 -5,0, pH<sub>KCl</sub>: 4,0-4,5. P<sub>s</sub> khoảng 30-40%. Mùn 1,2-1,5%; N: 0,10-0,15%; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>: 0,05-0,06%. K<sub>2</sub>O: 0,1-0,5%).

(3). **Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H):** Có diện tích 20.822,37 ha, chiếm 24,62% tổng diện tích tự nhiên, phân bố ở phía Đông của huyện. Nhóm đất này gồm có 2 đơn vị phân loại đất:

- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): Diện tích 281,64 ha, chiếm 1,35% diện tích của nhóm.

- Đất mùn vàng đỏ trên đá sét và biến chất (Hs): Diện tích 20.540,73 ha, chiếm 98,65% diện tích của nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi.

Nhóm đất này phân bố hầu hết trên địa hình cao trên 1000 m, nên không có khả năng khai thác vào mục đích nông nghiệp, mà chủ yếu phục vụ cho lâm nghiệp.

**(4). Nhóm đất Phù sa (P):** Có 1 đơn vị phân loại là đất phù sa ngòi suối (Py) diện tích 910,12 ha, chiếm 1,08% diện tích tự nhiên. Đất có đặc trưng màu nâu xám, tầng đất dày trên 100 cm, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, đất có phản ứng chua  $pH_{KCl} = 4 - 4,5$ , lượng hữu cơ tầng mặt: 1-3%, đạm tổng số: 0,1- 0,25%, nghèo lân: 0,02 - 0,025%. Diện tích đất này được khai thác đưa vào trồng lúa nước và hoa màu.

**(5). Nhóm đất Xám (X):** Có 1 đơn vị là đất xám phát triển trên đá Macma axit và đá cát (Xa); diện tích 60,81 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên.

## 5.2. Tài nguyên nước:

### a. Nguồn nước mặt

Với lượng mưa trung bình hàng năm 1.750 - 1.850 mm và nằm trong hệ thống sông suối khá đa dạng (*trong đó có sông Pô Kô lớn*) nên nguồn nước mặt lớn. Nhưng 80% lượng nước mặt tập trung vào các tháng mùa mưa, do hệ thống sông suối trên địa bàn huyện đều bắt nguồn từ những dãy núi cao, chảy qua những khu vực có địa hình phức tạp nên sông suối thường quanh co và nhiều ghềnh thác, sườn dốc đứng do đó khả năng giữ nước hạn chế. Nguồn nước mặt dồi dào về mùa mưa, nhưng về mùa khô lại bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có 54 hồ chứa nước lớn nhỏ (*kể cả đập bồi, đập tam*). Trong đó các hồ có năng lực tưới tương đối lớn: hồ Đăk Ui: 290,0 ha, hồ Đăk Lok: 40,0 ha, hồ Kon Klóc: 32,0 ha... cơ bản đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô.

### b. Nguồn nước ngầm

- Theo tài liệu đánh giá của Liên đoàn địa chất thủy văn Miền Nam. Cấu trúc địa chất thủy văn của khu vực gồm các đơn vị chứa nước sau đây:

- Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIV): Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIV) gồm những thành phần tạo bởi nguồn gốc sông suối. Mực nước tĩnh nằm ở độ sâu thường gặp 1,5-3,0m. PH từ 6,5-7,5, thuộc loại nước trung tính. Nước ở hệ chứa nước này có bề dày không lớn, phân bố trong phạm vi hẹp.

- Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Plâystocen (Q II-III): phân bố dọc thung lũng sông Pô Kô. Bề dày thay đổi từ 3 đến 19m, thường gặp 10-15m. Mực nước thay đổi từ 4,0 đến 15,5m, thường gặp từ 8,0 đến 10m, lưu lượng các giếng đào từ 0,1 đến 0,2 l/s, đủ cung cấp nước sinh hoạt gia đình.

- Phức hệ chứa nước khe nứt trầm tích Neogen (N2kt): Bề dày trầm tích thay đổi từ 5m đến 21,5m. Mực nước thay đổi từ 0,4 đến 11,0m, thường gặp từ 4,0m đến 7,0m. Lưu lượng giếng thay đổi từ 0,1 đến 0,3 l/s, một số giếng bị cạn vào mùa khô. Mực nước biến đổi theo mùa, giao động giữa mùa mưa và mùa khô khoảng 0,5 đến 1,0m. Nhìn chung nước có chất lượng tốt.

- Nước trầm tích trong biến chất Paleozoi (PZ): Bề dày lớn khoảng 600m-850m. Đá cấu tạo khối, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém. Tuy nhiên, do hoạt động kiến tạo đá một số nơi bị nứt nẻ phá huỷ có khả năng chứa nước tốt, tạo nên các khu vực có triển vọng chứa nước. Lưu lượng từ 0,1 đến 4,5l/s, PH từ 6,6 đến 7 thuộc nước trung tính.

- Đới chứa nước trong và phong hoá Granit: Các khối đá magma xâm nhập phân bố dọc sông Pô Kô và rải rác trên địa bàn toàn huyện. Chúng tạo nên những khối và dãy núi, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém, hoặc không chứa nước.

### **5.3. Tài nguyên rừng:**

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2018 cho thấy diện tích đất lâm nghiệp có rừng trên địa bàn huyện là 38.292,29 ha, chiếm 45% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó đất rừng sản xuất: 21.753,00 ha; phân bố nhiều ở khu vực phía Đông, phía Bắc của huyện thuộc các xã Ngok Réo, Đăk Ui, Đăk Pxi, Đăk Hring. Rừng phòng hộ: 15.996,19 ha; tập trung nhiều ở khu vực đồi núi cao giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy; thuộc địa bàn xã Đăk Pxi, Đăk Hring, Đăk Ui, Đăk Mar và Ngok Réo. Đất rừng đặc dụng: 543,10 ha, thuộc địa bàn xã Đăk Mar. Rừng của Đăk Hà có nhiều loại gỗ quý. Động vật rừng phong phú và đa dạng, đây là nơi chứa nhiều nguồn gen động thực vật quý có giá trị và ý nghĩa rất lớn cho công tác nghiên cứu khoa học.

### **5.4. Tài nguyên khoáng sản:**

Theo số liệu điều tra sơ bộ trên địa bàn huyện tài nguyên khoáng sản khá phong phú như quặng sắt, mang gan, vàng sa khoáng (Đăk La, Hà Mòn, Đăk Hring, Đăk Ui) chưa có tài liệu xác định chính xác phân bố và trữ lượng. Khoáng sản điển hình là mỏ đá Đôlômít (thuộc đá cacbônát) tại Kontu, Đăk Ui, có khả năng sử dụng trong luyện kim đen, sản xuất vật liệu chịu lửa. Mỏ có trữ lượng đạt 9.372 tấn, cấp C4 đạt 441 ngàn tấn, cấp C2 đạt 4.003 ngàn tấn.

- Mỏ sét: Tập trung ở xã Đăk La, Hà Mòn, diện tích khoảng 200 ha có thể khai thác sản xuất gạch ngói trong phạm vi quy mô nhỏ.

- Mỏ đá Granit, mỏ đá ốp lát Gabrôpirooxen: Tập trung ở xã Đăk Ui, có thể khai thác phục vụ các công trình xây dựng.

- Cát, sỏi: Phân bố tập trung dọc theo sông Pô Kô, hàng năm có thể khai thác 4.000 - 5.000 m<sup>3</sup>, phục vụ nhu cầu xây dựng trên địa bàn huyện.

### **5.5. Tài nguyên nhân văn:**

Trên địa bàn huyện có hơn 24 dân tộc anh em sinh sống, với dân số 62.226 người trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 48,41% dân số toàn huyện (*đông nhất là người Xê Đăng, Ba Na, còn lại là các dân tộc ít người khác như Gié Triêng, Gia Rai...*). Nhưng phải kể đến cộng đồng dân cư người Kinh chiếm tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu dân số huyện. Đặc biệt sau ngày giải phóng đến nay, một số dân tộc thiểu số đến sinh sống trên địa bàn huyện từ các tỉnh khác cũng mang theo nét phong tục tập quán và văn hoá truyền thống đặc trưng, có trình độ tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất để hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất đời sống, hình thành cộng đồng các dân tộc anh em cùng chung sống và xây dựng huyện.

## **6. Thực trạng môi trường:**

### **6.1. Môi trường đất:**

Việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không

nhỏ tới môi trường đất. Đây là vấn đề cần được quan tâm đúng mức nhằm thúc đẩy quá trình cải tạo đất và cải thiện môi trường đất trong tương lai.

### **6.2. Môi trường nước:**

- **Nước mặt:** Môi trường nước trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kể, chủ yếu là do canh tác không hợp lý trên các vùng đất dốc trong lưu vực các sông, với quy mô lớn. Phần lớn các sông đều có hiện tượng tăng lưu tốc và lưu lượng dòng chảy, nước đục, tỷ lệ cát phù sa bồi lắng cao.

- **Nước dưới đất:** Mặc dù có những thay đổi đáng kể, nhưng trong những năm gần đây nguồn nước dưới đất vẫn bị ô nhiễm nhẹ. Nguyên nhân do nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư, các công trình vệ sinh phần lớn là tự chảy, tự thấm, nước thấm từ các bãi rác không được qua xử lý gây ô nhiễm mạch nước ngầm ở tầng nông. Nhìn chung chất lượng môi trường nước dưới đất của huyện còn khá tốt, đáp ứng được yêu cầu cấp nước sinh hoạt và các mục đích khác.

### **6.3. Môi trường không khí:**

Cũng như nhiều vùng nông thôn miền núi khác, ô nhiễm môi trường không khí do khí thải của Đăk Hà xuất hiện do những hoạt động kinh tế như hoạt động giao thông vận tải, hoạt động sản xuất và xây dựng.

Đối với hoạt động giao thông vận tải gây ô nhiễm bụi và một số ít khí thải sản sinh do các phương tiện giao thông (xe máy, xe cơ giới) tham gia giao thông trên các trục đường, đặc biệt là những nơi có mật độ giao thông đông đúc, những đầu mối giao thông, nơi có các trục đường chính giao nhau.

Đối với các đơn vị khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng, nổ mìn khai thác mỏ với các hoạt động vận chuyển đất đá đã phần nào làm ô nhiễm môi trường khu vực.

Đối với tiếng ồn: Với tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, sự phát triển của các cơ sở dịch vụ, thương mại và sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều là nguyên nhân gây ra ô nhiễm tiếng ồn, trong đó, sự gia tăng của phương tiện giao thông vận tải là nguyên nhân chính.

## **II. KINH TẾ, XÃ HỘI:**

Theo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội-quốc phòng, an ninh năm 2022 của UBND huyện Đăk Hà, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 các đánh giá về kinh tế xã hội cụ thể như sau:

### **1. Phát triển kinh tế**

#### **1.1. Tăng trưởng kinh tế**

- Tổng giá trị sản xuất (*Theo giá so sánh năm 2010*) ước thực hiện năm 2022 là 5.891 tỷ đồng, đạt 102,59% so với kế hoạch và tăng 10,42% so với cùng kỳ năm 2021; Theo giá hiện hành là 6.451 tỷ đồng, đạt 100,23 % so với kế hoạch, tăng 8,42% so với cùng kỳ năm 2021. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 49,62 triệu đồng/người/năm, đạt 100,04 % so với kế hoạch, tăng 7,52% so với cùng kỳ năm 2021.

- Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực. Trong đó: ngành nông - lâm - thủy sản đạt 37,51%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 34,26%; ngành thương mại - dịch vụ đạt 28,23% (*Theo giá hiện hành*).

#### **1.2. Nông, lâm thủy sản**

*a). Nông nghiệp:*

- Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn huyện năm 2022 ước 31.955,4 ha, đạt 102,24% so với kế hoạch và tăng 5,11% so với năm 2021. Trong đó, diện tích cây hàng năm ước 8.990,5 ha, đạt 108,36% so với kế hoạch, tăng 5,92% so với năm 2021; diện tích cây lâu năm ước 22.601,5 ha, đạt 99,62% so với kế hoạch, giảm 0,38% so với năm 2021; cây dược liệu ước 363,3 ha, đạt 133,58% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 20.069,6 tấn, đạt 102,26% so với kế hoạch. Bình quân lương thực đầu người đạt 252,5 kg/người/năm, đạt 102,4% so với kế hoạch.

- Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng được quan tâm của các cấp chính quyền và đồng thuận của Nhân dân. Thực hiện chuyển đổi cây hàng năm kém hiệu quả sang cây trồng lâu năm, cây ăn quả, cây mắc ca, cây dược liệu, một số cây trồng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Năm 2022, có 04/11 địa phương thực hiện chuyển đổi 13,44ha đất lúa (*Sang trồng cây hàng năm 9,07ha, cây lâu năm 2,37ha, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 02ha*); thực hiện tái canh cà phê với những diện tích cà phê già cỗi, diện tích cho năng suất sản lượng thấp sang trồng giống cà phê mới cho năng suất chất lượng cao hơn.

- Tập trung phát triển nông nghiệp đi vào chiều sâu theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trong đó lựa chọn một số sản phẩm chủ lực của địa phương để tập trung đầu tư, hình thành sản phẩm đặc trưng của huyện, gắn với việc thực hiện Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*).

- Cơ quan chuyên môn của huyện đã duy trì tốt công tác điều tra dự tính dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng và có các biện pháp hướng dẫn phòng trừ cụ thể từng loại sâu bệnh hại, thông báo sâu bệnh hàng tuần gửi tới các xã, thị trấn, các công ty cà phê để chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân thực hiện. Tình hình sâu bệnh trên cây trồng trong năm 2022 có xảy ra nhưng với mức độ thấp, gây hại nhẹ, rải rác.

**\* Về thực hiện lĩnh vực đột phá về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến:** Đến nay, huyện Đắk Hà đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum công nhận vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao với quy mô 1.939 ha cho 6 đơn vị, 01 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Diện tích gieo trồng ứng dụng công nghệ cao được công nhận là 7,36%. Huyện đã hình thành và phát triển được các cánh đồng lớn chuyên canh cây tập trung quy mô lớn, như: 08 cánh đồng cà phê, 02 cánh đồng cao su, 09 cánh đồng lúa, 01 cánh đồng trồng rau, hoa... tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến sâu. Cùng với việc hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trên địa bàn cũng hình thành được các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tã sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng phát triển trong tất cả các khâu của quy trình sản xuất như tự động hoá, cơ giới hoá, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu, công nghệ sinh học, lựa chọn giống cây, con có năng suất chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng, tạo ra sự đồng đều về chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản huyện. Ngoài ra,

Ủy ban nhân dân huyện đã đồng ý chủ trương cho 16 tổ chức, cá nhân trong ngoài huyện đến đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn. Việc xây dựng mô hình chăn nuôi cũng được quan tâm phát triển, được nhân rộng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi, góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, thâm canh.

- *Tình hình phát triển cây dược liệu:* Thực hiện Chương trình số 59-CTr/HU ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện khoá VI thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/5/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh Khoá XVI về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm. Đến thời điểm hiện tại, diện tích dược liệu trên địa bàn huyện là 354,34ha, đạt 130,27% kế hoạch. Ước thực hiện cả năm là 363,34 ha đạt 133,6% kế hoạch.

b. *Chăn nuôi, thủy sản:* Chăn nuôi đang có xu hướng chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình sang hình thức tập trung, liên kết và ứng dụng công nghệ cao. Hiện nay trên địa bàn có 02 trang trại quy mô lớn (1 trang trại chăn nuôi lợn, 01 trang trại chăn nuôi gia cầm), 03 trang trại chăn nuôi lợn quy mô vừa, 03 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ (02 trang trại chăn nuôi lợn, 01 trang trại chăn nuôi bò). Thu hút các cá nhân, tổ chức đầu tư chăn nuôi theo hướng trang trại ứng dụng công nghệ cao. Đến nay trên địa bàn huyện Đắk Hà có 6 dự án chăn nuôi đang triển khai thực hiện.

- Tính đến 31/10/2022, tổng đàn gia súc 29.535 con, đạt 99,14% kế hoạch. Ước thực hiện cả năm là 29.858 con đạt 100,22% so với kế hoạch. Tổng đàn gia cầm 386.520 con, đạt 117,45% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm là 387.000 con đạt 117,56% so với kế hoạch.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản 316 ha, đạt 100 % kế hoạch. Tổng sản lượng thủy sản đến 31/10/2022 là 4.270 tấn, đạt 94,9% kế hoạch (Trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 3.680 tấn, sản lượng khai thác là 590 tấn). Ước thực hiện cả năm là 4.500 tấn đạt 100% so với kế hoạch (Trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 3.800 tấn, sản lượng khai thác là 700 tấn).

- Về tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc: Trong kỳ đã xuất hiện lại ổ dịch Tả lợn Châu phi tại 3 xã Đắk La, Đắk Hring, Ngọc Réo (Các địa phương đã kịp thời triển khai công tác khử trùng tiêu độc).

c. *Lâm nghiệp và công tác quản lý bảo vệ rừng:*

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng, thực hiện trồng rừng. Chỉ tiêu trồng rừng sản xuất năm 2022 của UBND huyện Đắk Hà được UBND tỉnh giao năm 2022 là 298 ha, HĐND huyện giao 450 ha. Kết thúc mùa vụ trồng rừng, trên địa bàn huyện đã trồng tổng cộng: 513,07 ha đạt 172,17% so với chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 114,02% kế hoạch huyện giao. Ngoài ra còn có Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum trồng đạt 70,24 ha. Bên cạnh đó, tiếp nhận từ Chi cục Kiểm lâm tỉnh 7.059 cây xanh phân tán các loại (như: Sao xanh, Xoan, Dầu, Bằng lăng tím, Giáng Hương, Sưa, Bằng Đài Loan, Trắc, Thông). Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, hướng dẫn các cộng đồng, hộ gia đình được hỗ trợ trồng rừng thực hiện việc chăm sóc, quản lý, bảo vệ, PCCC đối với diện tích rừng trồng năm 2021, 2022.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật được tăng cường, phát hiện xử lý đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp theo quy định. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện thường xuyên, sẵn sàng chủ động về nhân lực, phương tiện tham gia chữa cháy khi xảy ra cháy rừng (*Trong năm 2022 trên địa bàn huyện không xảy ra cháy rừng*).

*d. Công nghiệp - Xây dựng*

- Công tác quản lý cấp phép xây dựng được thực hiện thường xuyên, đảm bảo đúng quy định. Tiếp nhận và thẩm định 56 lượt hồ sơ công trình xây dựng cơ bản với tổng mức đầu tư trình thẩm định 116.613.560.966 đồng, tổng mức đầu tư sau thẩm định 116.852.505.500 đồng; Thẩm định tăng so với tổng mức đầu tư ban đầu 238.944.534 đồng.

- Công tác quy hoạch được quan tâm thực hiện. Triển khai điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà đến năm 2035; điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng làng du lịch cộng đồng Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển Du lịch trên địa bàn huyện. Phê duyệt Dự toán chuẩn bị đầu tư lập đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết (*tỷ lệ 1/500*) Khu đô thị mới Tổ dân phố 10, thị trấn Đăk Hà. Thời gian tới triển khai phê duyệt: Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu dân cư Tổ dân phố 2A, thị trấn Đăk Hà, Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trung tâm thị trấn Đăk Hà (*khu vực Đông Bắc trung tâm thị trấn Đăk Hà*). Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Đăk Long, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

**\* Thực hiện lĩnh vực đột phá tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị, công nghiệp, dịch vụ:**

- Về triển khai để đạt mục tiêu mỗi huyện, thành phố hình thành một khu đô thị mới hoặc khu dân cư mới: Địa bàn huyện Đăk Hà hiện tại chưa hình thành khu đô thị mới hoặc khu dân cư mới. Hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện một số Đồ án quy hoạch tại đô thị.

- Về chỉnh trang, phát triển đô thị kết hợp với thương mại, dịch vụ; chấn chỉnh tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng, lề đường:

+ Đã hoàn thành đưa vào sử dụng tuyến đường Hai Bà Trưng; đang triển khai thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình Đường từ Tỉnh lộ 671 (thôn 1 Hà Mòn) đến đường Lê Hồng Phong (Trung tâm Dạy nghề huyện); lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư tuyến đường nối từ đường Lê Hồng Phong đến đường Quang Trung kéo dài, quy mô 3.708,72m với tổng mức đầu tư khoảng 159 tỷ đồng; đã thực hiện đầu tư 9 công trình, với tổng mức đầu tư 21.905,995 triệu đồng; đầu tư xây dựng mới sân bê tông khuôn viên nhà văn hóa TDP8 với tổng diện tích 1.800m<sup>2</sup>. Đang triển khai đầu tư xây dựng mới hơn 9.750m đường điện hạ thế tại các điểm khu dân cư các TDP với tổng mức đầu tư 8 tỷ đồng. Ngoài ra, trong dịp tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022, huyện đã đầu tư hệ thống đèn LED trang trí dọc đường Hùng Vương với tổng mức kinh phí 666,6 triệu đồng.

+ Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng trên địa bàn, nhất là địa bàn thị trấn Đăk Hà. Về công tác kêu gọi thu hút đầu tư theo hình thức xã hội

hóa để xây dựng các chợ đã có trong quy hoạch, hạn chế tình trạng lấn chiếm lòng lề đường để buôn bán gây cản trở giao thông, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cục bộ đối với chợ dân sinh tại thôn 5, xã Hà Môn đến nay chợ đã đi vào hoạt động ổn định, cùng với hệ thống Chợ Trung tâm và chợ TDP4B phục vụ tốt hoạt động giao thương trên địa bàn. Công tác xây dựng kế hoạch bố trí ngân sách địa phương từ nguồn thu quản lý chợ và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện duy tu bảo dưỡng, nâng cấp chợ hiện có: Đối với nguồn thu quản lý chợ, Ủy ban nhân dân huyện giao trong dự toán đầu năm của Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện để cân đối cho các nhiệm vụ chi sự nghiệp của đơn vị. Việc thu gom, xử lý rác thải, vệ sinh môi trường và các công trình phúc lợi công cộng theo quy hoạch: Hiện tại việc thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện do Công ty TNHH thương mại và công nghệ môi trường DH thực hiện; khối lượng rác thải thu gom trong năm 2022 là 4.122,93 tấn (*số liệu tính đến 31/10/2022*). Đã tổ chức thực hiện trồng thay thế cây xanh trên vỉa hè đường Hùng Vương với số lượng 500 cây xanh đường Hùng Vương, tổng mức đầu tư 1.073.837.829 đồng.

- *Về phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với đô thị - dịch vụ:* Trên địa bàn thị trấn có Cụm CN-TTCN, Làng nghề thị trấn Đăk Hà, đây là nhân tố thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển, huyện đã tập trung kêu gọi xã hội hóa nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và đường nội bộ trong cụm công nghiệp nhằm tăng cường xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; trong đó, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, giá trị sản xuất lớn, sử dụng nhiều lao động và không gây ô nhiễm môi trường. Các doanh nghiệp và hộ kinh doanh tại Cụm CN-TTCN, Làng nghề thị trấn Đăk Hà đã xây dựng cơ sở và đi vào hoạt động sản xuất tương đối ổn định.

*e. Thương mại - Dịch vụ*

- Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện trong năm 2022 hoạt động ổn định, đảm bảo cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân trên địa bàn. Công tác kiểm tra hoạt động thương mại an toàn vệ sinh thực phẩm và đo lường chất lượng trên địa bàn huyện được quan tâm. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn.

- Tổ chức thành công Phiên chợ sạch huyện Đăk Hà năm 2022 (*lần thứ 1*). Phối hợp triển khai triển lãm trực tuyến trên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Kon Tum đồng thời triển khai công tác tăng cường kiểm tra, hướng dẫn thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 đối với hàng hóa xuất khẩu ngay tại vùng trồng. Triển khai xây dựng Kế hoạch sẵn sàng đáp ứng đủ các mặt hàng thiết yếu khi có bão lũ xảy ra.

*f. Thu, chi ngân sách:*

Tổng thu ngân sách Nhà nước đến ngày 31/10/2022 là: **474.896,4** triệu đồng. Trong đó, ngân sách huyện và xã hưởng **421.016,3** triệu đồng, đạt 84,9% so với dự toán tỉnh giao và đạt 82,7% so với dự toán huyện giao. Chi ngân sách địa phương đến ngày 31/10/2022 là: **402.960,5** triệu đồng, đạt 70,7% so với nhiệm vụ chi năm 2022.

*g. Đầu tư phát triển*

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 phân cấp ngân sách huyện (*kể cả hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022*) để triển khai trên địa bàn huyện là **58.066** triệu đồng (*Trong đó: Kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao là 32.507 triệu đồng; kế hoạch vốn HĐND huyện giao tăng thêm đối với nguồn thu tiền sử dụng đất là 10.560 triệu đồng*). Kế hoạch vốn đã bố trí chi tiết đến thời điểm báo cáo là 43.925 triệu đồng. Thực hiện và giải ngân đến 31/10/2022 là **30.767** triệu đồng, đạt **70,04%** so với kế hoạch vốn đã bố trí chi tiết (*đạt 53% so với tổng kế hoạch vốn*). Ước thực hiện và giải ngân hết niên độ năm 2022 đạt 100% so với kế hoạch vốn được giao.

- Tổng số nợ khối lượng thanh toán các công trình sau quyết toán còn lại đến nay trên địa bàn huyện là 13.340 triệu đồng. Trong đó: Dự án Đường tránh lũ từ thôn 10 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà đi thôn 2 xã Diên Bình, huyện Đăk Tô: 2.424 triệu đồng; Đường giao thông nông thôn từ xã Đăk La đi Ngọc Réo huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum: 8.255 triệu đồng; còn lại các công trình có quy mô nhỏ khác 2.661 triệu đồng.

*k. Thu hút đầu tư phát triển*

Trong năm huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện công tác thu hút đầu tư đối với danh mục thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 02/8/2021, theo đó trên địa bàn huyện Đăk Hà có 37 dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đã được UBND tỉnh cho chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư trên địa bàn huyện tiếp tục khảo sát, đầu tư; Phối hợp, đề xuất UBND tỉnh gia hạn thời gian khảo sát đối với 01 dự án, thu hồi chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư đối với 02 dự án. Đồng thời, phối hợp với các Sở ngành liên quan thẩm định, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với 04 dự án. Trong năm, 01 dự án đã được UBND chấp thuận chủ trương đầu tư.

*l) Phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã*

Cơ quan chuyên môn đã giải quyết 248 hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh về tổ chức và hoạt động của trang trại nông nghiệp, tổ hợp tác, nhóm hộ; tạo điều kiện thuận lợi, tư vấn kịp thời, hỗ trợ các Hợp tác xã, trang trại, tổ hợp tác, nhóm hộ phát triển, gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thành một chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, để nâng cao giá trị hàng nông sản. Công tác quản lý Nhà nước về HTX được thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện thuận lợi cho HTX phát triển, từ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ tư vấn thành lập HTX hoạt động theo luật HTX năm 2012. Đến nay, trên địa bàn huyện có 24 HTX, Trong đó có 19 HTX đang hoạt động hiệu quả theo Luật HTX 2012 (03 HTX thành lập mới: HTX nông lâm nghiệp thương mại và dịch vụ Đăk Pxi; HTX Mắc ca Thành Công Đăk Hà; HTX nông nghiệp công nghệ cao Liên Minh Farm), 05 HTX ngừng hoạt động (trong đó 01 HTX ngừng hoạt động nhưng chưa thực hiện thủ tục giải thể và 04 HTX ngừng hoạt động quá 01 năm nhưng khó khăn trong việc giải thể, giải thể bắt buộc).

m) *Ngân hàng cộng đồng*: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tích cực trong công tác triển khai và đôn đốc thu hồi vốn vay các ngân hàng cộng đồng, tuy nhiên đến nay chưa thu hồi dứt điểm vốn vay (UBND huyện đã có báo cáo Thường trực Huyện ủy về việc thu hồi và đề xuất giải pháp thu hồi, xử lý dứt điểm số tiền "Ngân hàng cộng đồng" trên địa bàn huyện).

### **1.3. Xây dựng nông thôn mới; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**

#### **a. Xây dựng nông thôn mới:**

- Công tác xây dựng nông thôn mới luôn được quan tâm, chỉ đạo. Đến nay tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 5 xã. Theo Kế hoạch năm 2022 có 02 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (xã Ngọc Wang và xã Đăk Ui), đến nay 02 xã cơ bản đạt 19/19 tiêu chí. Bên cạnh đó, việc triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội từng lĩnh vực; khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đã đạt được những kết quả như sau:

+ Xã nông thôn mới nâng cao: Đến nay tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 02 xã (Hà Mòn và Đăk Mar); Xã Đăk La đạt 5/10 tiêu chí; Xã Đăk Ngọc đạt 9/10 tiêu chí.

+ Xã nông thôn mới kiểu mẫu: Xã Hà Mòn có 01/04 tiêu chí đã đạt (Tiêu chí số 4 về an ninh trật tự).

+ Xã nông thôn kiểu mẫu nổi trội từng lĩnh vực: Xã Hà Mòn có 2/5 tiêu chí đã đạt (Tiêu chí số 4: An ninh trật tự; Tiêu chí số 5: Tổ chức sản xuất).

+ Khu dân cư Nông thôn mới kiểu mẫu: Thôn Thống nhất - Xã Hà Mòn và thôn 5 xã Đăk Mar đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021; Thôn Đăk Tin xã Đăk Ngọc, Thôn Bình Minh xã Hà Mòn đạt 10/10 tiêu chí; Thôn 2 -Xã Đăk La đạt 7/10 tiêu chí.

- Chương trình Đề án mỗi xã một sản phẩm được thực hiện có hiệu quả. Trên địa bàn huyện đã có 27 sản phẩm tham gia chương trình OCOP được đánh giá và xếp hạng năm 2020, năm 2021. Có 21 sản phẩm được UBND tỉnh đánh giá, phân hạng và cấp giấy chứng nhận (Trong đó có 7 sản phẩm đạt 4 sao, có 14 sản phẩm đạt 3 sao). Có 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia. Năm 2022, có 02 sản phẩm đăng ký nâng hạng (Sản phẩm Tình Cofice của HTX Sáu Nhung; sản phẩm Nấm linh chi của HTX Cựu Quân Nhân). Có 23 sản phẩm của 14 chủ thể đăng ký tham gia chương trình OCOP năm 2022; đăng ký 11 sản phẩm của 4 chủ thể đề nghị UBND tỉnh phê duyệt bổ sung để tham gia xếp hạng năm 2022.

b) *Công tác quản lý tài nguyên; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:*

- Công tác quản lý Nhà nước về đất đai được tăng cường. Hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Đăk Hà, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022; hiện đang tập trung hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, giao đất, thu hồi và cho thuê đất được thực hiện thường xuyên.

- Công tác khai thác quỹ đất và giới thiệu quỹ đất để thu hút đầu tư được thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật. Trong năm 2022, tổ chức 02 đợt

đầu giá quyền sử dụng đất với 106 lô đất, tương ứng với tổng diện tích là 23.434,1m<sup>2</sup>. Phòng chuyên môn đã tham mưu UBND huyện giới thiệu quỹ đất cho các nhà đầu tư, khảo sát lập đôi với 05 dự án.

- Triển khai theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, bão lũ và tăng cường thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy, Huyện ủy và của UBND huyện, khẩn trương khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện để sẵn sàng di dời người dân khỏi các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và giảm thiểu thiệt hại cho người dân.

- Công tác quản lý về môi trường được thực hiện một cách đảm bảo; không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Việc kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất được quan tâm thực hiện, không để xảy ra tình trạng ứ đọng rác thải.

## **2. Văn hóa - xã hội**

### **2.1. Về lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo**

- Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách được quan tâm, đảm bảo cho các đối tượng chính sách được hưởng trợ cấp kịp thời và đúng chế độ. Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” và đảm bảo an sinh xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2022, 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2022) được quan tâm triển khai.

- Triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động năm 2022 trên địa bàn huyện đảm bảo theo kế hoạch. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức phiên giao dịch việc làm lưu động tại huyện Đắk Hà thu hút hơn 350 đại biểu, hội viên, thanh niên, người lao động, học sinh tham gia.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn rà soát, tăng giảm thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022. Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh mới trong năm năm 2022 do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, thiên tai để kịp thời thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm theo quy định.

### **2.2 Giáo dục và đào tạo, y tế và Khoa học công nghệ.**

#### **a) Giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đầu năm 2022-2023 đạt 91,89 (*Mầm Non: 84,6%, Tiểu học: 100%, THCS: 100%*). Công tác phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ 5 tuổi được duy trì và giữ vững; công tác phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH), phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) và xóa mù chữ (XMC) được duy trì và nâng cao.

- Năm học 2022 -2023, toàn huyện có 41 đơn vị trường học. Các phòng học được sửa chữa, nâng cấp và xây mới, cơ bản đảm bảo việc dạy và học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Công tác xây dựng trường học đạt

chuẩn Quốc gia được chú trọng, dự kiến cuối năm 2022 toàn huyện có 27/41 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 65,85%.

- Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học tiếp tục được đẩy mạnh triển khai. Phòng học được bổ sung, cơ bản đảm bảo việc dạy và học. Các cơ sở giáo dục cơ bản đã bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo cho công tác dạy học.

- Chất lượng giáo dục vùng DTTS tiếp tục được cải thiện, có sự chuyển biến tích cực. Phát huy sức mạnh hệ thống chính trị trong việc huy động tối đa trẻ em DTTS trong độ tuổi mẫu giáo, tiểu học, THCS ra lớp và duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần, hạn chế số học sinh DTTS bỏ học. Tích cực hưởng ứng Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững*” trên địa bàn huyện Đắk Hà, giai đoạn 2021-2025.

*b) Công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân*

- Tiếp tục nâng cao chất lượng y tế cơ sở, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các hoạt động kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh ở người được triển khai thường xuyên. Nâng cao năng lực thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm; sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời, không để phát sinh, lây lan các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng. Trong năm 2022 các ca bệnh đều giảm so với cùng kỳ năm 2021. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai thường xuyên. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, các thủ tục khám, chữa bệnh được đơn giản hóa. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường.

*c) Khoa học - công nghệ*

- Tiếp tục Duy trì, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện năm 2022. Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 11/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VI về lãnh đạo và phát triển thương hiệu “*Cà phê Đắk Hà*” vươn tầm quốc tế giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Đặc biệt, trong năm 2022, sản phẩm “*Gạo thơm Đắk Hà*” huyện Đắk Hà đã được Cục sở hữu trí tuệ Bộ khoa học công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

**2.3. Văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông**

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động mang tính thời sự trên địa bàn. Tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình dịch bệnh Covid -19, dịch bệnh sốt xuất huyết... trên người và dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm để người dân chủ động triển khai các biện pháp phòng, tránh. Tuyên truyền Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho ĐB DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững*”.

- Các giá trị văn hóa của dân tộc tiếp tục được bảo tồn, gìn giữ và phát huy. Các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa tiếp tục được bảo tồn, khôi phục. Các hoạt động văn hóa, thể thao được quan tâm chú trọng. Tăng cường đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân Dân. Đẩy mạnh công tác sưu tầm, tiếp tục phục hồi và gìn giữ các sinh hoạt văn hóa, các lễ hội, các ngành nghề truyền thống. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì; nếp sống văn minh được đẩy mạnh thực hiện.

**\* Thực hiện lĩnh vực đột phá về đẩy mạnh du lịch với nhiều loại hình:** Đẩy mạnh phát triển du lịch với nhiều loại hình, lập hồ sơ công nhận điểm du lịch cho 5 điểm: Di tích lịch sử cách mạng điểm cao 601; Rừng đặc dụng Đăk Ui; Di tích lịch sử Đập mùa Xuân; Làng du lịch cộng đồng thôn Kon Trang Long Loi; Hợp tác xã nông nghiệp công bằng Po Ko. Xây dựng Đề án phát triển du lịch cộng đồng thôn Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai nội dung 08 phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2022.

#### **2.4. Tình hình triển khai các chính sách dân tộc**

- Chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: luôn quan tâm, thực hiện tốt các chính sách đối với người uy tín.

- Đối với Chương trình MTQG Phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn huyện (nguồn vốn sự nghiệp). Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2022, gồm: Nguồn hỗ trợ từ NSTW: 39.213 triệu đồng (Trong đó, vốn ĐTPT là: 29.178 triệu đồng; vốn SN là: 10.036 triệu đồng); Nguồn vốn đối ứng từ NSDP; Nguồn vốn tín dụng: Phê duyệt đối tượng thụ hưởng theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ; tính đến nay, đã giải ngân được 4.400/9.950 triệu đồng, đạt 44,22% kế hoạch phê duyệt (Quyết định số 1070/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 của UBND huyện).

- Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà soát các hộ đồng bào DTTS trên địa bàn huyện có đất ở, đất sản xuất và không có đất ở, đất sản xuất. Chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện chỉ tiêu về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS trên địa bàn. Tính đến nay, tổng số hộ DTTS trên địa bàn là 8.114 hộ. Kết quả thực hiện chỉ tiêu về đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào DTTS, cụ thể: số hộ DTTS có đất ở là 8.098 hộ/8.114 hộ, chiếm 99,80%; số hộ DTTS có đất sản xuất là 7.994 hộ/8.114 hộ, chiếm 98,52% (đạt và vượt chỉ tiêu năm 2022 theo kế hoạch).

### **3. Công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tư pháp**

#### **a) Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở**

- Chỉ đạo tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn huyện, kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính năm 2022. Triển khai khắc phục các tồn tại, hạn chế và triển khai thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao Chỉ số

hiệu quả quản trị và hành chính công (*PAPI*) và Chỉ số cải cách hành chính (*PAR INDEX*) tỉnh Kon Tum năm 2022.

- Tiếp tục rà soát triển khai sắp xếp tinh gọn, bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo hướng chuẩn hoá; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo quy trình quy định.

*b) Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tiếp công dân, tiếp nhận đơn, thư:*

- Hoạt động thanh tra được thực hiện đúng quy định. Từ đầu năm đến nay, đã ban hành Kết luận thanh tra 05 cuộc tại 05 đơn vị. Qua thanh tra, tuy chưa phát hiện trường hợp tổ chức, cá nhân nào có hành vi tham nhũng, tiêu cực nhưng đã phát hiện 02 đơn vị có sai phạm, đã kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 14.899.000 đồng.

- Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được các cấp, ngành quan tâm. Hầu hết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được thụ lý giải quyết theo đúng quy định. Đến nay, đã tiếp nhận 24 lượt công dân đến kiến nghị, phản ánh (*cấp huyện: 24 lượt; cấp xã: 0 lượt*), giảm 32 lượt so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp nhận 222 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân (*cấp huyện tiếp nhận 100 đơn, cấp xã tiếp nhận 122 đơn*); đến nay, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, ngành chức năng có liên quan đã xem xét, giải quyết và trả lời xong đối với 208 đơn (*đạt tỷ lệ: 94%*), còn 14 đơn đang trong thời gian giải quyết (*UBND huyện: 06 đơn; UBND các xã, thị trấn: 08 đơn*).

*c) Công tác tư pháp:*

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản mới ban hành đến mọi tầng lớp nhân dân. Tiếp nhận và giải quyết các việc về hộ tịch đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về hộ tịch.

- Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL luôn được chú trọng, góp phần đảm bảo các văn bản QPPL và các văn bản khác khi ban hành được thống nhất, đồng bộ, nhất quán, minh bạch và khả thi. Năm 2022, UBND huyện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà ban hành hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2021 với 10 văn bản QPPL hết hiệu lực.

- Tổng số vụ việc vi phạm hành chính đã phát hiện, xử lý trên địa bàn huyện: 22 trường hợp. Trong đó: thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện: 05 trường hợp; thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã: 17 trường hợp. Nhìn chung, quyết định xử phạt VPHC được ban hành đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của Luật xử lý VPHC và các Nghị định có liên quan.

- Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu khắc phục các tồn tại, khuyết điểm đã được chỉ ra theo Kết luận thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

#### **4. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**

- Tình hình quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định. Thường xuyên bố trí lực lượng bám địa bàn, tăng cường công tác tuần tra phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; kịp thời phát hiện và xử lý các

hành vi vi phạm pháp luật theo quy định. Tổ chức Lễ đón nhận 129 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trở về xây dựng quê hương. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2022 cho 123 công dân nhập ngũ (*105 công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và 18 công dân thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân*). Triển khai thực hiện công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2022 trên địa bàn huyện. Triển khai công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã năm 2022. Tổ chức huy động, tiếp nhận, bàn giao 769 quân nhân dự bị cho đơn vị nhận nguồn tổ chức huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2022.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, kịp thời nắm bắt, xử lý đối với những vấn đề phát sinh ở cơ sở. Chỉ đạo các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với các hoạt động Pháp luân công.

## **5. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn**

### **5.1. Thực trạng phát triển đô thị:**

Huyện Đắk Hà hiện tại có một thị trấn là thị trấn Đắk Hà, với tổng diện tích 1.547,42 ha, tổng số dân định cư trên địa bàn 14.345 người, mật độ dân số trung bình 927 người/km<sup>2</sup>, là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của toàn huyện. Trong những năm qua, bộ mặt đô thị nơi đây đã có nhiều thay đổi, tính năng động của vùng trung tâm huyện được biểu hiện rõ nét, các công trình cơ sở hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc, cơ quan hành chính và nhà ở dân cư dần được xây dựng kiên cố, mức độ đô thị ngày càng nâng cao. Khu vực trung tâm thị trấn đã được quy hoạch xây dựng chi tiết, song với yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai cần quy hoạch mở rộng khu trung tâm cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Hà đến năm 2025 với tổng diện tích khoảng 3.200 ha. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Đắk Hà ngày càng đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Định kỳ rà soát, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh một số vị trí quy hoạch không còn phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị trấn Đắk Hà và bổ sung một số vị trí quy hoạch các trụ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Đến nay, thị trấn Đắk Hà đã được UBND tỉnh công nhận đạt đô thị loại V.

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn. Nhìn chung, đến nay hệ thống giao thông trên địa bàn thị trấn Đắk Hà cơ bản được thông suốt trong cả 02 mùa, đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện, nâng cao đời sống của Nhân dân.

### **5.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn**

Quy mô dân số ở nông thôn là 54.050 được phân bố trên 10 xã, mật độ dân số trung bình ở nông thôn là 64 người/km<sup>2</sup>. Do đặc điểm về điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của các dân tộc, trên địa bàn đã hình thành nên các cụm dân cư có các tập quán khác nhau. Đặc điểm các khu dân cư hiện nay trên địa bàn huyện có thể chia thành các dạng chính như sau:

- Dạng định cư tập trung tại trung tâm các xã, trung tâm kinh tế, nông trường quốc doanh, thị tứ và trung tâm cụm xã.

- Dạng định cư dọc theo các tuyến giao thông.

- Dạng định cư Buôn làng của người đồng bào dân tộc tại chỗ, đây là hình thức dân cư tập trung nhưng thường được phân bố theo dạng nhà liền vườn.

Trong những năm gần đây, do tình trạng nhập cư tự do đã hình thành nhiều điểm dân cư tự phát và manh mún sống rải rác trên các sườn đồi và trong đất sản xuất nông nghiệp, gây khó khăn cho công tác quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong tương lai cần quy hoạch sắp xếp lại các điểm dân cư này cho phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn toàn huyện.

Đến nay huyện có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Hà Mòn, xã Đăk La, xã Đăk Mar, xã Đăk Ngok*), tổng số tiêu chí đã đạt của các xã trên địa bàn huyện là 152 tiêu chí. Song song với quá trình xây dựng nông thôn mới huyện cũng tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội từng lĩnh vực năm 2020 có tính đến năm 2025.

## **6. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

### **6.1. Giao thông**

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ 14 chạy qua xuyên suốt theo chiều dài dọc trung tâm huyện, đây là tuyến giao thông quan trọng nhất của vùng Tây Nguyên nối liền các tỉnh Duyên hải Trung Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.

Mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện trong những năm gần đây đã được đầu tư khá mạnh, đường ô tô đã đến trung tâm xã, hệ thống đường liên xã, liên thôn đã được nâng cấp và làm mới khá nhiều, đường đến trung tâm các xã phần lớn được láng nhựa.

- *Đường quốc lộ:* Quốc lộ 14 đoạn qua huyện dài 23 km, mặt nhựa, đạt cấp III - IV miền núi, nền rộng 9-10m, mặt rộng 6,5 - 7,5m.

- *Đường tỉnh:*

+ Tuyến tỉnh lộ 671 từ thị trấn Đăk Hà đi Ngok Wang - Ngok Réo, tổng chiều dài qua huyện là 24 km, hiện trạng là đường nhựa, cấp IV miền núi, bề rộng nền đường 7,5 m, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m.

+ Tuyến tỉnh lộ 677 (Đường Đăk Côi - Đăk PXi dài 22 km, bề rộng nền đường 7 - 8 m, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

- *Đường huyện:*

+ Tuyến đường huyện ĐH 42 từ Đăk Hà đi Đăk Ui dài 15 km, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

+ Đường tránh lũ; Đường Đăk La đi Ngok Réo

+ Tuyến đường huyện ĐH 41 đi Hà Mòn dài 4 km, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

- *Đường liên thôn:* Phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện hầu hết là đường đất, hơn 200 km đường lô cà phê, cao su phục vụ sản xuất và đi lại trong các nông trường, trang trại, công ty. Hệ thống đường này do các công ty, đơn vị kinh doanh tự đầu tư xây dựng và tu sửa hàng năm.

- *Đường đô thị*: Tổng chiều dài khoảng 32 km tập trung ở thị trấn Đắk Hà, với kết cấu mặt đường nhựa khoảng 11 km, còn lại đường cấp phối và đường đất.

Nhìn chung mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện khá hoàn chỉnh, đã hình thành các trục giao thông đối ngoại, đối nội. Tuy nhiên, hiện tại chất lượng đường chưa đảm bảo, đường cấp phối và đường đất chiếm tỷ lệ lớn trong hệ thống đường liên thôn.

### **6.2 Thủy lợi**

Trên địa bàn có 61 công trình thủy lợi hồ chứa và đập dâng cung cấp nước tưới cho cây trồng và sinh hoạt. Phần lớn các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện là hồ chứa phục vụ tưới cho diện tích lúa, cây công nghiệp cà phê.

Cụm công trình đầu mối, hệ thống kênh mương và các công trình trên kênh được xây dựng khá tốt cơ bản đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn huyện.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện trong những năm qua được đầu tư xây dựng khá tốt, đầu tư phát triển thủy lợi và kiên cố hóa kênh mương mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội, từng bước đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho những khu vực sản xuất. Tuy vậy công tác thủy lợi vẫn tồn tại một số vướng mắc như chưa có quy hoạch tổng thể cho toàn bộ hệ thống thủy lợi, nhiều công trình thủy lợi đã quá lâu nên hư hỏng, xuống cấp, các công trình tiêu nước nên rất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

### **6.3 Cấp điện**

Hệ thống lưới điện trong những năm gần đây được đầu tư tương đối đồng bộ. Tính đến nay có 100% các xã có điện lưới quốc gia đi qua (gồm 472 trạm 110 KV Kon Tum). Lưới điện trong những năm gần đây được đầu tư tương đối đồng bộ. Tính đến nay, trên 100% xã, thị trấn có điện lưới quốc gia đi qua. Với 62 trạm biến áp tiêu thụ, tổng công suất 6.048 KVA; điện áp chủ yếu là 22/0,4, 22/2x0,23, 12,7/0,22, 12,7/0,22.

### **6.4. Cấp nước**

Tính đến quý I/2020 trên địa bàn huyện đầu tư xây dựng 06 công trình nước sinh hoạt với tổng mức đầu tư 24,26 tỷ đồng, 2.199 đầu nôi, trong đó 02 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng (Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Hà, xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà 358 đầu nôi/354 đầu nôi thiết kế; Cấp nước sinh hoạt thôn Kon Gung-Đắk Mút, xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà 395 đầu nôi/402 đầu nôi thiết kế); 01 công trình đang triển khai thi công (Cấp nước sinh hoạt thôn Quyết Thắng, thôn 4 và thôn Bình Minh 2 xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà), 03 công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành công trình tháng 12/2020 (*Cấp nước sinh hoạt thôn 1, 2, 3, 4, và 5 xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà 670 đầu nôi; Cấp nước sinh hoạt thôn 1, xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà 82 đầu nôi; Cấp nước sinh hoạt xã Đắk Ngọc, huyện Đắk Hà 402 đầu nôi*).

### **6.5 Bưu chính viễn thông**

Mạng lưới viễn thông VNPT, Mobil, Viettel,... đã phủ sóng đến các xã trong huyện. 100% xã đều có bưu điện văn hóa xã, đáp ứng một phần về nhu cầu thông

tin cho nhân dân; 100% các thôn, làng có máy điện thoại; 100% xã có mạng Internet. Số người sử dụng mạng điện thoại di động và cố định tăng đáng kể. Ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất cũng phát triển, số gia đình trang bị máy vi tính tăng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn đều ứng dụng công nghệ thông tin.

## **7. Về giáo dục - đào tạo, Y tế, văn hóa**

### **7.1. Giáo dục đào tạo**

Chất lượng Giáo dục - Đào tạo chuyển biến tích cực, giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi, Tiểu học đúng độ tuổi và Trung học cơ sở; phân luồng học sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 64,63% (đạt 92,33% so Nghị quyết); tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hằng năm đạt cao. Hệ thống trường, lớp học tiếp tục được đầu tư nâng cấp, sửa chữa góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được chú trọng, đến nay có 21/43 trường chuẩn, đạt tỷ lệ 48,8 %. Công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; các cơ sở giáo dục ngoài công lập được khuyến khích phát triển. Đến nay, huyện quản lý 43 đơn vị trường học trực thuộc; 724 nhóm, lớp; với tổng số học sinh là 21.304 em. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai tích cực, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo từ 26,50% đầu nhiệm kỳ lên 32,51%; giải quyết việc làm mới bình quân cho 415 người/năm; xuất khẩu 164 lao động.

### **7.2. Y tế**

Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân được nâng lên, y tế dự phòng được đẩy mạnh góp phần phòng và khống chế các loại dịch bệnh ở người. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm, đầu tư xây dựng, hiện có 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100% nghị quyết. So với đầu nhiệm kỳ: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,59% xuống còn 1,33%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 18,4% xuống còn 15,8%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 54,5% lên 95,5%.

## **8. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội**

### **8.1. Thuận lợi:**

Qua phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội Đắk Hà có một số lợi thế so với các huyện lân cận:

- Lợi thế về đất đai và khí hậu: Quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn chiếm trên 87% diện tích tự nhiên, đất đai phì nhiêu, phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: mía, cao su, cà phê, tiêu.

- Lợi thế về nguồn nước: Có nhiều sông, hồ chứa lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

- Lợi thế về tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu...

- Lợi thế về vị trí địa lý Huyện Đăk Hà có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội và giao lưu hàng hóa với các khu vực khác trong tỉnh. Với lợi thế nằm ở trung tâm tỉnh, tiếp giáp với thành phố Kon Tum, có Quốc lộ 14 là tuyến đường huyết mạch của Tây Nguyên đi qua, huyện có khả năng kết nối tốt với các khu vực của Lào, Cam Pu Chia thông qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các vùng kinh tế trọng điểm khác.

- Lợi thế về khí hậu nhiệt đới gió mùa khá ôn hòa, đặc biệt có quỹ đất đỏ Bazan khá lớn (chiếm khoảng 73,36% diện tích tự nhiên), là loại đất có chất lượng cao nhất trong các loại đất đồi núi ở nước ta, thích hợp cho nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, tiêu...

- Lợi thế về những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua: Được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh, những năm qua tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đến nay các công trình thủy điện lớn, thủy lợi, giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, các công trình phúc lợi xã hội ... cơ bản đã phủ kín các xã tạo thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư từ bên ngoài...

Về xã hội: Với dân số có mật độ trung bình so với diện tích đất đai nông nghiệp, bảo đảm công ăn việc làm, không gây áp lực lớn về vấn đề thiếu đất sản xuất, có điều kiện để tăng thu nhập cho nông dân.

Cơ sở hạ tầng tuy còn nhiều hạn chế nhưng về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất đời sống nhân dân như điện, phát thanh truyền hình, thông tin liên lạc, y tế giáo dục...

## **8.2. Khó khăn**

- Do địa hình một số khu vực như Đăk Pxi, Ngọc Réo... địa hình chia cắt mạnh, cao và dốc, do đó khó có thể hình thành các vùng sản xuất tập trung và phát triển đô thị có quy mô lớn. Hiện tượng sạt lở đất và lũ lụt trong những năm gần đây thường xuyên xảy ra đã làm ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của huyện.

- Khí hậu phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Lượng mưa phân bố không đều vào thời gian thu hoạch nên ảnh hưởng đến chất lượng nông sản và bảo quản sau thu hoạch.

- Trình độ lao động vẫn còn nhiều hạn chế, số lao động qua đào tạo chiếm tỷ trọng nhỏ, khó tạo ra được những bước chuyển mạnh mẽ của nền kinh tế huyện.

- Công nghiệp trên địa bàn huyện còn hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, hạ tầng sản xuất công nghiệp chưa được hoàn thiện nên chưa thu hút được các dự án đầu tư công nghiệp có quy mô lớn mang tính đột phá, tạo động lực cho nền kinh tế trên địa bàn huyện.

- Trên địa bàn huyện có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống với nhiều phong tục tập quán sản xuất khác nhau, chủ yếu là tự canh tác nên rất khó khăn để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp tập trung theo mô hình trang trại nhằm đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Khu vực thị trấn Đăk Hà và các xã phụ cận tiếp tục được đầu tư phát triển nâng cấp đô thị, sẽ mất đi một phần diện tích đất nông, lâm nghiệp. Bên cạnh đó, để cải thiện nâng cao đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu đô thị hoá nông

thôn, ngoài việc tận dụng nâng cấp, cải tạo các công trình hiện có, cần dành một diện tích đất thoả đáng để xây dựng thêm các công trình văn hoá thể thao, khu vui chơi giải trí... trong thị trấn và các điểm dân cư trên địa bàn huyện.

Như vậy, từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội những năm gần đây cũng như dự báo phát triển trong tương lai, áp lực đối với đất đai của huyện đã và sẽ ngày càng tăng lên (đặc biệt là ở khu vực thị trấn và các trọng điểm kinh tế phát triển) dẫn đến thay đổi hiện trạng sử dụng đất hiện nay. Để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, cần xem xét nghiêm túc việc khai thác sử dụng đất theo hướng khoa học trên cơ sở tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao, bố trí sử dụng đất phải đáp ứng nhu cầu cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội về hiện tại cũng như tương lai.

### **8.3. Khả năng khai thác các lợi thế và khắc phục hạn chế phục vụ phát triển kinh tế xã hội.**

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế, đẩy mạnh giao lưu văn hoá, trao đổi khoa học công nghệ và hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là hai tỉnh giáp ranh Quảng Nam và Gia Lai.

- Tạo thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp - TTCN quy mô vừa và nhỏ, thu hút nhiều lao động, tập trung khai thác các lợi thế để trở thành vùng kinh tế nông nghiệp phát triển của tỉnh. Đồng thời gắn các vùng nguyên liệu nông nghiệp với phát triển công nghiệp chế biến, tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập đáng kể cho người dân địa phương sử dụng nguồn nguyên liệu dồi dào, với quy mô lớn: sắn, cao su, cà phê, sản phẩm rừng trồng...

- Khai thác hiệu quả nguồn nước mặt và nước ngầm phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân bằng việc xây dựng các công trình thuỷ điện, thuỷ lợi, cấp nước ...

- Phát triển mạnh ngành nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến.

- Phát triển mạnh ngành du lịch tận dụng thế mạnh của huyện có rừng với hệ sinh thái động thực vật phong phú, có nhiều cảnh quan đẹp, nhiều hồ nhân tạo có diện tích lớn, nhiều dân tộc cùng sinh sống với bản sắc văn hoá phong phú, đa dạng.

- Cần đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ dân trí và trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tại địa phương, tạo cơ sở vững chắc để thu hút các nguồn vốn bên ngoài vào đầu tư.

**Phần II****KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC****1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Hà được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch và pháp luật, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của huyện trong năm 2022.

Diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2022 huyện Đắk Hà trên cơ sở danh mục công trình dự án đã được xét duyệt, vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là một nhiệm vụ quan trọng để làm cơ sở xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo quy định của pháp luật; phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và địa phương cấp xã trên địa bàn huyện; đảm bảo đúng theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phân bổ, xét duyệt.

**Biểu 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

Đơn vị tính (ha)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Năm 2022	Cao hơn(+) thấp hơn(-)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>84.503,8</b>	<b>84.503,8</b>		100,00
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>75.114,1</b>	<b>75.277,6</b>	<b>163,5</b>	<b>100,22</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.259,4	2.292,1	32,7	101,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.259,4</i>	<i>2.292,1</i>	<i>32,7</i>	<i>101,45</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.232,9	8.697,9	465,0	105,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.613,1	24.970,8	357,7	101,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.252,6	16.252,6	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	546,6	546,6	-	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22.715,1	22.245,8	- 469,3	97,93
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,5	237,5	-	100,00
1.8	Đất làm muối	LMU			-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	256,8	34,3	- 222,6	13,34
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.904,1</b>	<b>6.301,0</b>	<b>- 603,1</b>	<b>91,27</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	108,7	8,4	-100,3	7,75
2.2	Đất an ninh	CAN	53,2	52,9	-0,3	99,44
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	136,4	58,1	-78,3	42,62
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	81,4	4,5	-76,9	5,52
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	83,5	62,2	-21,3	74,46
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	61,6	3,0	-58,6	4,84
2.8	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	101,3	51,8	-49,6	51,08
<b>2.9</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</b>	<b>DHT</b>	<b>4.602,9</b>	<b>4.431,3</b>	<b>-171,6</b>	<b>96,27</b>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Năm 2022	Cao hơn(+) thấp hơn(-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất giao thông	DGT	1.093,1	1.014,6	-78,5	92,82
-	Đất thủy lợi	DTL	972,9	906,7	-66,2	93,20
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,5	1,5	-	100,00
-	Đất cơ sở y tế	DYT	4,8	4,8	-	100,00
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	65,7	65,1	- 0,6	99,09
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	29,6	27,6	-1,9	93,47
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.313,3	2.297,8	-15,6	99,33
-	Đất công trình bưu chính VT	DBV	1,1	1,0	-0,1	88,60
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			-	
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	5,0	3,4	-1,6	68,06
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	10,2	5,2	-5,0	50,98
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,8	13,6	-0,1	99,21
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	88,2	88,2	-	100,00
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH			-2,0	
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH			-	
-	Đất chợ	DCH	3,8	1,8	1,2	48,41
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			- 8,0	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,5	15,7	-39,7	108,12
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,7	4,7	-	36,81
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	667,4	627,7	0,3	94,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	204,8	204,8	-	100,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,7	12,0	-	102,57
2.16	Đất xây dựng trụ của tổ chức SN	DTS	2,5	2,5	-	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			-	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	711,5	711,5	-	100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,9	49,9	-	100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.485,5</b>	<b>2.925,1</b>	<b>439,6</b>	<b>117,69</b>

### Kết quả thực hiện:

Căn cứ theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đăk Hà được phê duyệt tổng 138 dự án và đã thực hiện được 59 công trình dự án; các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

#### 1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 75.114,1ha; kết quả thực hiện đạt 75.277,6 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 163,5 ha đạt 100,22%; chi tiết từng loại đất như sau:

- Đất trồng lúa (LUA): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 2.259,4 ha; kết quả thực hiện đạt 2.292,1ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 32,7 ha đạt 101,45%.

- Đất trồng hàng năm khác (HNK): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 8.232,9 ha; kết quả thực hiện đạt 8.697,9 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 465,0 ha đạt 105,65%.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 24.613,1ha; kết quả thực hiện đạt 24.970,8ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 357,7ha đạt 101,45%.

- Đất rừng phòng hộ (RPH): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 16.252,61 ha; kết quả thực hiện đạt 16.252,61 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất rừng đặc dụng (RDD): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 528,31 ha; kết quả thực hiện đạt 546,61 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 18,3 ha đạt 103,46% kế hoạch.

- Đất rừng sản xuất (RSX): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 22.715,1 ha; kết quả thực hiện đạt 22.245,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 469,3 ha đạt 97,93% kế hoạch.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 237,5 ha; kết quả thực hiện đạt 237,5 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất nông nghiệp khác (NKH): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 256,8ha; kết quả thực hiện đạt 34,3 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 222,6 ha, đạt 13,34%.

### **1.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):**

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 6.904,1 ha; kết quả thực hiện đạt 6.301,0 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 603,1ha đạt 91,26%, chi tiết từng loại đất cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng (CQP): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 108,7 ha; kết quả thực hiện đạt 8,4 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 100,3 ha đạt 7,75%.

- Đất an ninh (CAN): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 53,2 ha; kết quả thực hiện đạt 52,9 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,3 ha đạt 98,15%.

- Đất cụm công nghiệp (SKN): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 136,4 ha; kết quả thực hiện đạt 58,1 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 78,3 ha đạt 42,62%.

- Đất thương mại dịch vụ (TMD): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 81,4 ha; kết quả thực hiện đạt 4,5 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 76,9 ha đạt 5,52%.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 83,5ha; kết quả thực hiện đạt 62,2ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 21,3 ha đạt 74,46%.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 61,6 ha; kết quả thực hiện đạt 3 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 58,6 ha đạt 4,84%.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sỏi (SKX): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 101,3 ha; thực hiện đạt 51,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 49,6 ha đạt 51,08% kế hoạch.

- Đất phát triển hạ tầng (DHT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 4.602,9ha; kết quả thực hiện đạt 4.431,3 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 171,6 ha đạt 96,27%; chi tiết từng loại đất cụ thể như sau:

+ Đất giao thông (DGT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 1.093,1 ha; thực hiện đạt 1.014,6 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 78,5 ha đạt 92,82%.

+ Đất thủy lợi (DTL): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 972,9 ha; thực hiện đạt 906,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 66,2 ha đạt 93,20%.

+ Đất cơ sở văn hóa (DVH): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 1,5 ha; kết quả thực hiện đạt 1,5 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất cơ sở y tế (DYT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 4,8 ha; thực hiện đạt 4,8 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 65,7ha; thực hiện đạt 65,1ha, thấp hơn 0,6ha đạt 99,09%.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao (DTT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 29,6 ha; thực hiện đạt 27,6 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 1,9 ha đạt 93,47%.

+ Đất công trình năng lượng (DNL): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 2.313,3ha; thực hiện đạt 2.297,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 15,6ha đạt 99,33%.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 1,1 ha; thực hiện đạt 1,0 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 0,1 ha đạt 88,60%.

+ Đất di tích lịch sử văn hóa (DDT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 5 ha; kết quả thực hiện đạt 3,4 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 1,6 ha đạt 68,05%.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 10,2 ha; thực hiện đạt 5,20 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 5 ha đạt 50,98%.

+ Đất tôn giáo tôn giáo (TON): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 13,8 ha; kết quả thực hiện đạt 13,6 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được xét duyệt 0,2 ha đạt 99,2%.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 88,21 ha; kết quả thực hiện đạt 88,21 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất chợ (DCH): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2022 được phân bổ xét duyệt 3,8 ha; thực hiện đạt 1,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,0 ha đạt 48,41% so với kế hoạch.

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 14,5 ha; kết quả thực hiện đạt 15,7 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 1,2 ha đạt 102,12%.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 12,7 ha; thực hiện đạt 4,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 8,0 ha đạt 36,81%.

- Đất ở tại nông thôn (ONT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 667,4 ha; kết quả thực hiện đạt 627,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 39,7 ha đạt 94,05%.

- Đất ở tại đô thị (ODT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 204,8 ha; kết quả thực hiện đạt 204,8 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 11,7 ha; kết quả thực hiện đạt 12,00 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,3 ha đạt 102,57%.

- Đất xây dựng trụ sở các cơ quan sự nghiệp (DTS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 2,5 ha; kết quả thực hiện đạt 2,5 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 711,5 ha; thực hiện đạt 711,5 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- Đất mặt nước chuyên dùng (MNC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 49,92 ha; thực hiện đạt 49,92 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

### 1.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2022 là 2.485,5 ha; kết quả thực hiện 2.925,1 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 439,6 ha, đạt 117,69%.

## 2. Các dự án đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất nhưng 3 năm chưa thực hiện:

Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất nhưng 3 năm chưa thực hiện với 17 danh mục dự án trong đó: Đề nghị hủy bỏ 8 công trình, dự án; điều chỉnh kế hoạch sử dụng trong giai đoạn 2024-2030 là 02 dự án; tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch 2023 là 7 công trình dự án (do các công trình này dự án này đã được bố trí vốn), cụ thể như sau:

### Tổng hợp các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất nhưng 3 năm chưa thực hiện:

TT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm	Kế hoạch thực hiện			Ghi chú
				Năm 2023	Điều chỉnh	Hủy bỏ	
1	Nhà làm việc công an xã	0,10	Xã Đăk Mar	x			
2	Thi công xây dựng lưới điện huyện Đăk Hà-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	15,56	Xã Đăk Mar			x	Chủ đầu tư không đăng ký
3	Sân thể thao xã Đăk Ui	1,20	Xã Đăk Ui			x	Chưa bố trí vốn
4	Thi công xây dựng lưới điện huyện Đăk Hà-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	15,56	Xã Đăk Ui			x	Chủ đầu tư không đăng ký
5	Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B	4,60	Xã Đăk Hring	x			

TT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm	Kế hoạch thực hiện			Ghi chú
				Năm 2023	Điều chỉnh	Hủy bỏ	
6	Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B	6,81	Xã Đăk Hring	x			
7	Thi công xây dựng lưới điện huyện Đăk Hà-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	15,56	Xã Đăk Pxi			x	Chủ đầu tư không đăng ký
8	Dự án trồng cây ăn quả theo mô hình Nông Lâm kết hợp (Công ty TNHH sản xuất chế biến nông lâm sản Nghĩa Phát) vị trí 2	81,00	Xã Đăk Pxi			x	Chủ đầu tư không đăng ký
9	Nhà làm việc BCHQS xã Hà Mòn	0,10	Xã Hà Mòn	x			
10	Nhà làm việc công an xã	0,10	Xã Hà Mòn	x			
11	Thi công xây dựng lưới điện huyện Đăk Hà-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	15,56	xã Ngọc Réo			x	Chủ đầu tư không đăng ký
12	Nhà làm việc BCHQS xã Ngọc Wang	0,10	xã Ngọc Wang	x			
13	Nhà làm việc công an xã	0,10	xã Ngọc Wang	x			
14	Thi công xây dựng lưới điện huyện Đăk Hà-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi	15,56	xã Ngọc Wang			x	Chủ đầu tư không đăng ký
15	Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại thôn 5 (Kon Gu I) thửa đất 95+113, tờ bản đồ 68	3,80	xã Ngọc Wang			x	Chủ đầu tư không đăng ký
16	Đường Trương Quang Trọng	1,30	Thị trấn Đăk Hà		x		Chưa bố trí vốn
17	Công viên văn hóa trung tâm huyện Đăk Hà - (dọc suối Đăk Uy), thị trấn Đăk Hà	8,00	Thị trấn Đăk Hà		x		Chưa bố trí vốn

### 3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện KHSD đất năm 2022.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện ngoài những thành tựu đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện các kế hoạch sử dụng đất của huyện đã đề ra. Cụ thể những nguyên nhân sau:

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm nên không đăng ký, đến khi làm thủ tục triển khai dự án mới biết và yêu cầu bổ sung.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho các mục đích phát triển công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá, hạ tầng kỹ thuật, giao thông thủy lợi ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, việc người dân e ngại giao đất sản xuất nông nghiệp cho các dự án cũng là rào cản làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Giá đất đền bù giải phóng mặt bằng nhiều khu vực dự án chưa sát với giá thị trường nên dẫn tới người sử dụng đất bị ảnh hưởng bởi các dự án chưa đồng thuận dẫn đến dự án bị chậm tiến độ.

- Do thiếu vốn đầu tư nên phải kéo dài thời gian thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, khu dân cư, khu đô thị,... đã làm chậm tốc độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Các khu dân cư nông thôn vùng sâu vùng xa tồn tại từ lâu đời phần lớn là xây dựng nhà ở theo hướng tự phát, phân bố không hợp lý, đường giao thông khúc khuỷu, hẹp, đi lại khó khăn, lô đất ở méo mó, có lô quá dài hoặc diện tích quá lớn mà không có đường đi dẫn đến sử dụng đất lãng phí. Một số khu dân cư nhỏ lẻ nằm phân tán, gây khó khăn cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Việc đầu tư chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đòi hỏi vốn đầu tư bồi thường, giải toả lớn trong khi nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới KHSD đất.

- Việc sử dụng đất trong các lĩnh vực lâm nghiệp, du lịch, quốc phòng - an ninh cũng gặp nhiều vướng mắc, do còn có sự chòng chéo giữa quy hoạch phát triển của các ngành, hạn chế trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

- Công tác đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp, giao đất giao rừng diễn ra chậm do thiếu vốn đầu tư ảnh hưởng lớn tới tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Cơ chế thúc đẩy đầu tư thực hiện các công trình dự án trong năm kế hoạch còn yếu việc các doanh nghiệp chỉ đăng ký đầu tư rồi chậm thực hiện dự án còn diễn ra phổ biến.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật một số khu vực chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là hệ thống giao thông, điện, nước... ảnh hưởng tiến độ giao đất các dự án.

- Công tác phổ biến pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm đến các chủ sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

#### **4. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSD đất năm 2022.**

Thực tế quá trình tổ chức triển khai thực hiện, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã qua trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định trong giai đoạn đầu. Quá trình sử dụng đất đã dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện. Tuy nhiên, qua phân tích kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cho thấy một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện được đã vượt và không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch (đã nêu cụ thể ở phần kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022). Bên cạnh đó, đã có một số công trình, dự án phát sinh năm ngoài, kế

hoạch dẫn đến một số chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất đã không còn phù hợp. Nguyên nhân chính của những tồn tại nêu trên là:

- Đất nông nghiệp một số chỉ tiêu thực hiện vượt so với chỉ tiêu xét duyệt do các dự án đất phi nông nghiệp có thu hồi, chuyển mục đích đất nông nghiệp tuy nhiên chưa thực hiện do đó một phần diện tích đất nông nghiệp dự kiến giảm chuyển mục đích chưa tiến hành.

- Đất phi nông nghiệp hầu hết các chỉ tiêu sử dụng đều thấp hơn chỉ tiêu được duyệt do các nguyên sau:

+ Mọi nguồn lực của huyện đều tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật đều hạn chế do thiếu vốn.

+ Do một số chính sách về đất đai thay đổi như luật đất đai, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng , tái định cư... gặp không ít khó khăn thời gian kéo dài giá đất bồi thường chưa thực sự sát với giá đất thị trường làm ảnh hưởng tiến độ các dự án.

+ Nhu cầu dự báo cao hơn nhu cầu thực tế sử dụng đất dẫn đến dôi dư quỹ đất trong quá trình thực hiện.

+ Là huyện trọng điểm cây cà phê, tiêu của tỉnh nên chịu ảnh hưởng rất lớn từ việc tiêu, cà phê mất giá nên các khu vực dự kiến bán đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn, đất ở đô thị đạt kết quả thấp, không hết diện tích đưa ra đấu giá.

+ Do một số chính sách về đất đai thay đổi, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... gặp không ít khó khăn thời gian kéo dài làm ảnh hưởng tiến độ các dự án.

### Phần III

## LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Hà được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 luật Đất đai năm 2013 (*được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch*) nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2023 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vôn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (*sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013*) thì khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế xã hội; hiện trạng sử dụng đất năm năm 2022 của huyện Đắk Hà; căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Đắk Hà năm 2023 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhằm đáp ứng nhu cầu về đất đai để phát triển các ngành kinh tế, đạt hiệu quả đồng bộ cả 03 lợi ích: Kinh tế, xã hội và môi trường dựa trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

### **1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.**

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 2023 được xây dựng trên cơ sở các công trình dự án chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất 2022 và các công trình dự án đăng ký mới năm 2023 của các xã, thị trấn thuộc huyện Đắk Hà, các cơ quan đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cán nhân làm cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng đất trong năm Kế hoạch như sau:

Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, thực trạng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, hiện trạng và xu hướng biến động sử dụng đất; căn cứ vào các mục tiêu, định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội của huyện năm 2023; trên cơ sở các dự báo, tính toán về nhu cầu, định hướng sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và tiềm năng đất đai có thể đáp ứng (*về số lượng, chất lượng*) trên các địa bàn ... Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được xây dựng nhằm đáp ứng các nhu cầu về đất đai (*đảm bảo sử dụng tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả*) cho hiện tại và tương lai để phát triển các ngành kinh tế (*với biện pháp ưu tiên phát triển các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, có ưu thế*); là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm; đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, đáp ứng được các mục

tiêu phát triển kinh tế - xã hội (*đạt hiệu quả đồng bộ cả 3 lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường*). Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được xây dựng với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt vấn đề này theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết.

### **1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2022 lĩnh vực nông nghiệp.**

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2023 tại các xã như: Xã Đăk Long, Ngọc Wang, Ngọc Réo, Đăk Ui, Đăk Pxi, Đăk Hring, Đăk Mar có nhu cầu sử dụng khoảng 1.337ha để chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp là 340,8ha; đưa đất chur sử dụng và sử dụng mục đích nông nghiệp là 9ha; để thực hiện công tác đấu giá thuê đất nông nghiệp, thu hồi đất, cho thuê đất như: dự án trồng rừng; dự án đất nông nghiệp khác của hộ gia đình cá nhân (*dự án chăn nuôi, trang trại...*) thu hồi đất của các Công ty nông lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý; Dự án: Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tại địa bàn xã Ngọc Réo; đấu giá QSD đất công ích tại xã Đăk La, Ngọc Wang, thu hồi đất và giao đất của theo nhu cầu các công ty nông lâm nghiệp khoảng 897,2ha (*tổng diện tích thực tăng là 9ha*). Tuy nhiên, bên cạnh cấp huyện đó xác định để thực hiện các công trình dự án thuộc đất phi nông nghiệp là 316,6ha; trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà đất nông nghiệp giảm 307,6ha để thực hiện công trình dự án thuộc đất phi nông nghiệp.

### **1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2022 lĩnh vực phi nông nghiệp.**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, giải quyết nhu cầu đất ở, đất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp - dịch vụ tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở, đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 6.624,8 ha, chiếm 7,84% tổng diện tích tự nhiên, tăng 323,8 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022 do chuyển từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng sang đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực phi nông nghiệp năm 2023, cụ thể như sau:

+ Nhu cầu đất quốc phòng của Ban Chỉ huy quân sự huyện với diện tích 108,6ha tăng thêm 100,2 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự các xã Ngọc Wang, Hà Mòn, trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum tại xã Đăk Pxi.

+ Nhu cầu đất an ninh của công an tỉnh, huyện với diện tích 57,2ha tăng thêm 4,2 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Nhà làm việc công an của 11 xã, thị trấn theo Nghị quyết của Đảng ủy Bộ Công an và trụ sở công an huyện - cơ sở 2, ....

+ Nhu cầu đất cụm công nghiệp với diện tích 102,6ha tăng thêm 44,5ha để Mở rộng Cụm công nghiệp Đăk La nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư.

+ Nhu cầu đất thương mại dịch vụ của tổ chức, hộ gia đình cá nhân với diện tích 12,5ha tăng thêm 8ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Đất thương mại dịch vụ các đề án phát triển quỹ đất tại xã Đăk Hring, dự án tái định cư tại xã đăk Pxi, các cửa hàng xăng dầu, điểm du lịch,....

+ Nhu cầu đất sản xuất kinh doanh của tổ chức, hộ gia đình cá nhân với diện tích 77,5 ha tăng thêm 15,3ha để xây dự các cơ sở sản xuất của Tổ hợp chăn nuôi,

trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tại địa bàn xã Ngọc Réo, các điểm sản xuất chế biến nông sản ngoài cụm công nghiệp của các hộ gia đình cá nhân,....

+ Nhu cầu đất của các doanh nghiệp để khai thác vật liệu xây dựng với diện tích 84,7ha tăng thêm 32,9ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Đấu giá các mỏ đất san lấp, mở rộng mỏ đá Đăk La....

+ Nhu cầu sử dụng đất của UBND huyện, UBND xã, các cơ quan đơn vị đóng chân trên địa huyện để đầu tư xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã với diện tích 4.513,3ha tăng thêm 82,3 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như các tuyến đường giao thông, đập thủy lợi Đăk Cầm, trường học, trạm y tế ,....

+ Nhu cầu đất ở nông thôn chuyển mục đích, giao đất có thu tiền, đấu giá của hộ gia đình cá nhân với diện tích 657,0 tăng thêm 29,2 ha để thực hiện các dự án: đấu giá các thửa đất nhỏ lẻ do Nhà nước quản lý, thực hiện các đề án khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các xã Đăk Hring, Đăk Ngok, Đăk Mar; dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của Nhân dân ...

+ Nhu cầu đất ở đô thị đấu giá, chuyển mục đích, giao đất của hộ gia đình cá nhân với diện tích 210,4 ha, tăng thêm 5,6 ha (thực hiện các dự án: đấu giá các thửa đất nhỏ lẻ do Nhà nước quản lý, Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của Nhân dân ...)

+ Nhu cầu của cá đơn vị đóng chân trên địa bàn huyện để xây dựng trụ sở cơ quan với diện tích 11,6ha tăng thêm 0,4 ha (thực hiện các dự án: Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê, chi cục thi hành án dân sự huyện ...).

## **2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.**

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2023 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; Có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ các loại bản đồ chuyên ngành và đánh giá tiềm năng đất đai của huyện và từ quỹ đất chưa sử dụng; bản đồ quy hoạch thủy lợi và quy hoạch giao thông, các ngành khác; cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhu cầu đất ở nông thôn và đô thị hoá; xử lý sự chồng chéo nhu cầu sử dụng đất của các ngành; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch năm 2023.

Với các cơ sở và mục tiêu nêu trên, phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và phân bố sử dụng đất đai cụ thể cho từng mục đích sử dụng trên địa bàn huyện trong năm 2023, được xây dựng như sau:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện đến năm 2023 là: 84.503,8ha; trong đó:

- Đất nông nghiệp: 74.970,1ha, chiếm 88,72% tổng diện tích tự nhiên, giảm 307,6ha so với năm 2022.

- Đất phi nông nghiệp: 6.624,8ha, chiếm 7,84% tổng diện tích tự nhiên, tăng 323,8ha so với năm 2022.

- Đất chưa sử dụng: 2.908,8 ha, chiếm 3,44% tổng diện tích tự nhiên; giảm 16,3ha so với năm 2022.

**Biểu 4: Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Đơn vị tính (ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất 2023		
				Năm 2023	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>84.503,8</b>	<b>84.503,8</b>	-	<b>00,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>75.277,7</b>	<b>74.970,1</b>	- 307,6	<b>88,72</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.292,1	2.283,2	- 9,0	2,70
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.292,1</i>	<i>2.283,2</i>	<i>- 9,0</i>	<i>2,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.697,9	8.365,8	- 332,1	9,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.970,8	24.921,2	- 49,6	29,49
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.252,6	16.252,6	-	19,23
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	546,6	546,6	-	0,65
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22.245,8	22.177,1	- 68,8	26,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,5	237,5	-	0,28
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	34,3	186,2	151,9	0,22
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>6.301,0</b>	<b>6.624,8</b>	<b>323,8</b>	<b>7,84</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	8,4	108,7	100,3	0,13
2.2	Đất an ninh	CAN	52,9	57,2	4,2	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	58,1	102,6	44,5	0,12
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	4,5	12,5	8,0	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	62,2	77,5	15,3	0,09
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,0	3,0	-	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	51,8	84,7	32,9	0,10
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.431,3	4.513,6	82,3	5,34
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.014,6</i>	<i>1.041,3</i>	<i>26,7</i>	<i>1,23</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>906,7</i>	<i>956,7</i>	<i>50,0</i>	<i>1,13</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>1,5</i>	<i>2,1</i>	<i>0,6</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,8</i>	<i>5,0</i>	<i>0,2</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,1</i>	<i>65,5</i>	<i>0,4</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>27,6</i>	<i>30,2</i>	<i>2,6</i>	<i>0,04</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>2.297,8</i>	<i>2.299,1</i>	<i>1,3</i>	<i>2,72</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính VT</i>	<i>DBV</i>	<i>1,0</i>	<i>1,1</i>	<i>0,1</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>				
-	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>3,4</i>	<i>3,4</i>	-	<i>0,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>5,2</i>	<i>5,2</i>	-	<i>0,01</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>13,6</i>	<i>13,6</i>	-	<i>0,02</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>88,2</i>	<i>88,2</i>	-	<i>0,10</i>
-	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	<i>DKH</i>				
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	<i>DXH</i>				
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,8</i>	<i>2,2</i>	<i>0,4</i>	<i>0,001</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	HT năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất 2023			
				Năm 2023	So sánh		Tỷ lệ (%)
					Tăng(+), giảm(-)		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,7	15,5	- 0,2	0,02	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,7	6,9	2,2	0,01	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	627,7	657,0	29,2	0,78	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	204,7	210,4	5,6	0,25	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,0	11,6	- 0,4	0,01	
2.16	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,5	2,5	-	0,00	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	711,5	711,3	- 0,2	0,84	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,9	49,9	-	0,06	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.925,1</b>	<b>2.908,8</b>	<b>- 16,3</b>	<b>3,44</b>	





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH thời kỳ 2021-2030	Diện tích năm 2023	Cơ cấu	Phân theo đơn vị hành chính										
						Xã Đăk Long	xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngok	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Môn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	TT Đăk Hà
-	<i>về xã hội</i> Đất chợ	DCH	6,2	2,2	0,01	-	0,4	0,3	-	-	-	-	0,0	0,3	-	1,2
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	18,6	15,5	0,02	0,6	0,8	0,7	0,9	3,1	1,0	1,0	1,6	0,7	1,8	3,5
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	27,0	6,9	0,02	0,9	2,0	-	0,2	0,4	0,1	0,4	0,8	-	-	2,0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.188,5	657,0	0,79	27,8	36,9	124,3	114,6	48,0	43,9	91,0	91,1	50,0	29,5	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	576,6	210,4	0,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	210,4
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,4	11,6	0,01	1,2	0,3	0,6	1,1	1,5	0,6	0,4	0,8	0,8	0,6	3,6
2.16	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,8	2,5	0,00	-	0,0	0,3	-	0,2	-	0,04	1,1	0,1	-	0,7
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	705,1	711,3	0,84	88,9	134,8	87,3	16,4	28,5	74,2	30,1	4,2	92,4	128,5	26,1
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,0	49,9	0,06	-	0,1	-	11,6	6,0	2,5	9,3	12,5	0,5	1,8	5,6
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>2.144,8</b>	<b>2.908,8</b>	<b>3,44</b>	<b>645,0</b>	<b>1.274,6</b>	<b>146,6</b>	<b>8,3</b>	<b>48,8</b>	<b>699,4</b>	<b>28,0</b>	<b>-</b>	<b>15,3</b>	<b>42,5</b>	<b>0,4</b>

**\* Chi tiết các loại đất như sau:**

**2.1. Đất nông nghiệp (NNP):**

Đất nông nghiệp hiện trạng năm 2022 là 75.277,7ha; đến năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 74.970,1ha chiếm 88,72% tổng diện tích tự nhiên; giảm 307,6ha so với hiện trạng năm 2022; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 74.961,2ha; diện tích thực tăng là 9ha (*dự án Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tại địa bàn xã Ngọc Réo*); diện tích thực giảm là 316,6ha, do chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 5.025,7ha; xã Đăk Pxi: 24.494,3ha; xã Đăk Hring: 6.168,3ha; xã Đăk Mar: 3.502,3ha; xã Đăk Ngọc: 3.096,9ha; xã Đăk Ui: 8.569,6ha; xã Đăk La: 4.303,6ha; xã Hà Môn: 2.515,0ha; xã Ngọc Wang: 5.888,2 ha; xã Ngọc Réo: 10.384,7ha; thị trấn Đăk Hà: 1.021,2ha.

**Trong đó: chi tiết từng loại đất nông nghiệp như sau:**

**2.1.1. Đất trồng lúa (LUA):**

Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2022 là 2.292,2 ha, đến năm 2023 diện tích là 2.283,2 ha chiếm 2,70% tổng diện tích tự nhiên; giảm 9,0ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.283,2ha;

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 9ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: Đất nông nghiệp khác 3ha (*Dự án Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tại địa bàn xã Ngọc Réo 3ha*); đất phát triển hạ tầng 4,0ha (*xã Ngọc Wang và xã Đăk Ngọc*); đất ở tại nông thôn 2ha (*tại xã Đăk Ngọc*).

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 116,2ha; xã Đăk Pxi: 138,5ha; xã Đăk Hring: 121,8ha; xã Đăk Mar: 62,1ha; xã Đăk Ngọc: 284,8ha; xã Đăk Ui: 286,4ha; xã Đăk La: 628,1ha; xã Hà Môn: 27,8ha; xã Ngọc Wang: 147,8 ha; xã Ngọc Réo: 225,9ha; thị trấn Đăk Hà: 243,5 ha.

**2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK):**

Đất trồng cây hàng năm khác: Hiện trạng năm 2022 là 8.697,9ha, đến năm 2023 diện tích là 8.365,8ha chiếm 9,90% tổng diện tích tự nhiên; giảm 332,1ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.283,2 ha;

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 332,1ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm là: 191ha; đất nông nghiệp khác là:103ha; đất quốc phòng là: 8,9 ha; đất công an là: 0,1ha; đất thương mại dịch vụ là: 1,1ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 15,3 ha; đất phát triển hạ tầng là: 12,4ha; đất ở nông thôn là: 0,3ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1.169,9ha; xã Đăk Pxi: 1.360ha; xã Đăk Hring: 452,8ha; xã Đăk Mar: 127,5ha; xã Đăk Ngọc:

328,8ha; xã Đăk Ui: 1.408,0ha; xã Đăk La: 196,4ha; xã Hà Mòn: 14,1ha; xã Ngok Wang: 1.172,3ha; xã Ngok Réo: 2.127,1ha; thị trấn Đăk Hà: 1,7ha.

#### 2.1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN):

Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2022 là 24.970,8ha, đến năm 2023 diện tích là 24.921,2ha chiếm 29,49% tổng diện tích tự nhiên; giảm 49,6ha, so với hiện trạng năm 2022; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 24.723,4ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 197,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sau: đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang là: 191 ha; đất chưa sử dụng chuyển sang là: 6,9 ha.

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 247,5ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất nông nghiệp khác là: 43,8ha; đất quốc phòng là: 19 ha; đất an ninh là: 3,4 ha; đất cụm công nghiệp là: 44,5ha; đất thương mại dịch vụ là: 6,9ha; đất cơ sở vật liệu xây dựng làm đồ gốm là: 32,9 ha; đất phát triển hạ tầng là: 62ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng là: 2,2 ha; đất ở tại nông thôn là: 27,0ha; đất ở tại đô thị là: 5,6 ha; đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp là: 0,1ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1.597,9ha; xã Đăk Pxi: 1.439,5ha; xã Đăk Hring: 3.606,4ha; xã Đăk Mar: 2.361,1ha; xã Đăk Ngok: 2.122,0ha; xã Đăk Ui: 1.320,9ha; xã Đăk La: 3.391,9ha; xã Hà Mòn: 2.429,0ha; xã Ngok Wang: 3.940,7 ha; xã Ngok Réo: 1.950,8ha; thị trấn Đăk Hà: 760,8ha.

#### 2.1.4. Đất rừng phòng hộ (RPH):

Đất rừng phòng hộ: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 16.252,61 ha chiếm 19,23% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 13.948,7ha; xã Đăk Hring: 222,ha; xã Đăk Mar: 283,6ha; xã Đăk Ngok: 99,6ha; xã Đăk Ui: 1.416,9 ha; xã Ngok Réo: 281,4ha;

#### 2.1.5. Đất rừng đặc dụng (RDD):

Đất rừng đặc dụng: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 546,61 ha chiếm 0,65% tổng diện tích tự nhiên (toàn bộ diện tích thuộc xã Đăk Mar).

#### 2.1.6. Đất rừng sản xuất (RSX):

Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2022 là 22.245,8ha, đến năm 2023 diện tích là 22.173,8ha chiếm 26,24% tổng diện tích tự nhiên; giảm 68,8ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 22.177,1ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0ha.
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 68,8ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất quốc phòng là: 64,9 ha; đất phát triển hạ tầng là: 3,8 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 2.122,0 ha; xã Đăk Pxi: 7.598,0ha; xã Đăk Hring: 1.721,6ha; xã Đăk Mar: 88,6ha; xã Đăk Ngok: 231,9ha; xã Đăk Ui: 4.121,6ha; xã Đăk La: 43,9ha; xã Ngok Wang: 594,0 ha; xã Ngok Réo: 5.655,6 ha.

#### 2.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

Đất nuôi trồng thủy sản: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 237,5ha chiếm 26,3% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 6,7ha; xã Đăk Pxi: 2,8ha; xã Đăk Hring: 43,2ha; xã Đăk Mar: 2,22ha; xã Đăk Ngok: 28,7ha; xã Đăk Ui: 15,6ha; xã Đăk La: 39,3ha; xã Hà Mòn: 33,7ha; xã Ngok Wang 22,4 ha; xã Ngok Réo: 7,6ha; thị trấn Đăk Hà: 15,2ha.

**2.1.8. Đất nông nghiệp khác (NKH):**

Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2022 là 34,3ha, đến năm 2023 diện tích là 186,2ha chiếm 0,22% tổng diện tích tự nhiên; tăng 151,9ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 34,3ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 152ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa chuyển sang 3ha; đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 103ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 43,8 ha; đất chưa sử dụng chuyển sang 2,1 ha;

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất nông nghiệp khác để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đất nông nghiệp khác xã Đăk La: Trang trại chăn nuôi gia cầm của ông Trần Văn Linh	0,80		0,80	NKH	Xã Đăk La
Đất nông nghiệp khác xã Đăk La: Trang trại chăn nuôi ông Nguyễn Văn Thịnh	1,20		1,20	NKH	Xã Đăk La
Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Dự án chăn nuôi của hộ gia đình bà Lê Thị Thu Hương tại thôn 5, xã Hà Mòn	0,13		0,13	NKH	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Cơ sở nuôi chim yến của hộ gia đình ông Lê Hồng Cương tại thôn 4, xã Hà Mòn	0,10		0,10	NKH	Xã Hà Mòn
Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Cơ sở chăn nuôi yến sào TG Tây Nguyên ( <i>hộ gia đình ông Lâm Văn Giang</i> ) tại thôn Thống Nhất, xã Hà Mòn	2,30	1,30	1,00	NKH	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Dự án trồng sản phẩm nông nghiệp sạch của hộ gia đình ông Nguyễn Duy Trung tại thôn 3, xã Hà Mòn	1,74		1,74	NKH	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác tại xã Ngok Wang: Trang trại chăn nuôi dê của hộ gia đình ông Trần Văn Hòa tại thôn Đăk Duông	5,00		5,00	NKH	Xã Ngok Wang
Đất nông nghiệp khác tại xã Ngok Wang: Trang trại của hộ gia đình ông Lê Tấn Ánh tại thôn Đăk Duông	2,20		2,20	NKH	Xã Ngok Wang
Hệ thống chăn nuôi gia cầm, thủy cầm của Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin	50,00		50,00	NKH	Xã Ngok Réo
Hệ thống chăn nuôi heo của Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ	86,00		86,00	NKH	Xã Ngok Réo

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
phần tập đoàn Ma Vin					

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 13,0ha; xã Đăk Mar: 11,0ha; xã Đăk Ngok: 1,1ha; xã Đăk La: 4ha; xã Hà Mòn: 10,1ha; xã Ngok Wang: 10,9ha; xã Ngok Réo: 136,0 ha.

## 2.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):

Đất phi nông nghiệp hiện trạng năm 2022 là 6.301,0ha, đến năm 2023 diện tích 6.624,8ha chiếm 7,84% tổng diện tích tự nhiên; tăng 323,8ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó: Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 6.301,0ha; diện tích thực tăng là 323,8ha; diện tích thực giảm là 0ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 358,7ha; xã Đăk Pxi: 736,9ha; xã Đăk Hring: 462,7ha; xã Đăk Mar: 989,5ha; xã Đăk Ngok: 526,3ha; xã Đăk Ui: 311,2ha; xã Đăk La: 724,6ha; xã Hà Mòn: 1.290,5ha; xã Ngok Wang: 409,9ha; xã Ngok Réo: 288,5ha; thị trấn Đăk Hà: 525,8ha.

*Trong đó: chi tiết từng loại đất nông nghiệp như sau:*

### 2.2.1. Đất quốc phòng (CQP):

Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2022 là 8,4ha, đến năm 2023 diện tích là 108,6ha chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên; tăng 100,2ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 8,4ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 100,2ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 15,7 ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 8,9 ha; đất rừng sản xuất chuyển sang 68,2 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,1ha; đất chưa sử dụng chuyển sang 7,3 ha;

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất Quốc phòng để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	100,00		100,00	CQP	Xã Đăk Pxi
Nhà làm việc BCHQS xã Ngok Wang	0,10		0,10	CQP	xã Ngok Wang
Nhà làm việc BCHQS xã Hà Mòn	0,10		0,10	CQP	Xã Hà Mòn

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 100ha; xã Đăk Mar: 3ha; xã Hà Mòn: 0,1ha; xã Ngok Wang: 4,8ha; thị trấn Đăk Hà: 0,7ha.

### 2.2.2. Đất an ninh (CAN):

Đất an ninh: Hiện trạng năm 2022 là 52,9ha, đến năm 2023 diện tích là 57,2ha chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên; tăng 4,2ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 52,9ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 4,2ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,1ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 3,3 ha; đất phát triển hạ tầng chuyển sang 0,2 ha; đất sinh hoạt cộng đồng chuyển sang 0,2 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,4 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất an ninh để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Nhà làm việc công an xã Đăk Mar	0,10		0,1	CAN	Xã Đăk Mar
Nhà làm việc công an xã Hà Mòn	0,10		0,1	CAN	Xã Hà Mòn
Nhà làm việc công an xã Đăk Long	0,19		0,19	CAN	Xã Đăk Long
Nhà làm việc công an xã Đăk Pxi	0,12		0,12	CAN	Xã Đăk Pxi
Nhà làm việc công an xã Đăk Hring	0,13		0,13	CAN	Xã Đăk Hring
Nhà làm việc công an xã Đăk Ngọk	0,10		0,1	CAN	xã Đăk Ngọk
Nhà làm việc công an xã Đăk Ui	0,10		0,1	CAN	Xã Đăk Ui
Nhà làm việc công an xã Đăk La	0,19	0,04	0,15	CAN	Xã Đăk La
Nhà làm việc công an xã Ngọk Wang	0,15		0,15	CAN	xã Ngọk Wang
Nhà làm việc công an xã Ngọk Réo	0,10		0,1	CAN	xã Ngọk Réo
Nhà làm việc công an thị trấn Đăk Hà	0,04	0,04	0	CAN	Thị trấn Đăk Hà
Cơ sở làm việc Công an huyện Đăk Hà (cơ sở 2)	3,00		3	CAN	Thị trấn Đăk Hà

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,2ha; xã Đăk Pxi: 0,1ha; xã Đăk Hring: 0,1ha; xã Đăk Mar: 0,1ha; xã Đăk Ngọk: 1,1ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Đăk La: 51,0ha; xã Hà Mòn: 1,6ha; xã Ngọk Wang: 0,2 ha; xã Ngọk Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 3,6ha.

### 2.2.3. Đất cụm công nghiệp (SKN):

Đất cụm công nghiệp: Hiện trạng năm 2022 là 58,1ha, đến năm 2023 diện tích là 102,6ha chiếm 0,12% tổng diện tích tự nhiên; tăng 44,5ha, so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 58,1ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 44,5ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 44,5 ha để mở rộng cụm công nghiệp Đăk La.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Mar: 37,2ha; xã Đăk La: 65,4ha.

### 2.2.4. Đất thương mại dịch vụ (TMD):

Đất thương mại dịch vụ: Hiện trạng năm 2022 là 4,5ha, đến năm 2023 diện tích là 12,5ha chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; tăng 8ha so với hiện trạng

năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,5ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 8ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 1,1ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 6,9ha.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi - (Điểm du lịch kết hợp sản xuất nông nghiệp hữu cơ)	5,10		5,1	TMD	Xã Đăk Pxi
Cửa hàng xăng dầu xã Đăk Pxi	0,11		0,11	TMD	Xã Đăk Pxi
Đất Thương mại dịch vụ - Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Kon Hnông Yốp và thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	0,17		0,17	TMD	Xã Đăk Hring
Cửa hàng xăng dầu Phương Nam	0,33		0,33	TMD	Xã Đăk La
Dịch vụ du lịch lòng hồ Plei Krông tại thị trấn Đăk Hà - điểm du lịch Suối Đá (thửa 70+93, TBD 48)	1,10		1,1	TMD	Thị trấn Đăk Hà
Dịch vụ du lịch lòng hồ Plei Krông tại xã Đăk Mar - điểm du lịch Đăk Mút	1,20		1,2	TMD	Xã Đăk Mar

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 5,4 ha; xã Đăk Hring: 1,4ha; xã Đăk Mar: 1,8ha; xã Đăk Ngọc: 0,6ha; xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 0,3ha; xã Hà Mòn: 0,2ha; xã Ngọc Wang: 0,2ha; thị trấn Đăk Hà: 2,3ha.

**2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):**

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2022 là 62,2ha, đến năm 2023 diện tích là 77,5ha chiếm 0,09%, tổng diện tích tự nhiên; tăng 15,3ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 62,2ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 15,3ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Nhà máy chế biến thức ăn gia súc của Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin	5,00		5,00	SKC	Xã Ngọc Réo

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Nhà máy sản xuất phân hữu cơ của Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin	5,00		5,00	SKC	Xã Ngọc Réo
Hệ thống giết mổ và chế biến thực phẩm của Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin	5,00		5,00	SKC	Xã Ngọc Réo
Cơ sở thu mua chế biến bời lời tại thôn 1 xã Đăk La	0,50	0,20	0,3	SKC	xã Đăk La
Cơ sở thu mua chế biến nông sản tại xã Đăk Pxi ( <i>hộ gia đình ông Trần Ngọc Sang, thửa đất 144, tờ bản đồ 18</i> )	0,10		0,1	SKC	Xã Đăk Pxi

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,2ha; xã Đăk Pxi: 0,7ha; xã Đăk Hring: 1,9ha; xã Đăk Mar: 9,9ha; xã Đăk La: 21,0ha; xã Hà Môn: 8,3ha; xã Ngọc Wang: 0,5ha; xã Ngọc Réo: 15,2ha; thị trấn Đăk Hà: 19,8ha.

#### 2.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS):

Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 3ha chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên (*thuộc xã Đăk Hring*).

#### 2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX):

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Hiện trạng năm 2022 là 51,8ha, đến năm 2023 diện tích là 84,7ha chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên; tăng 32,9ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 51,8ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 32,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 32,9ha.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Mỏ đá Đăk La (diện tích quy hoạch thời kỳ 2021-2030: 70 ha; Diện tích hiện trạng 40ha; diện tích đăng ký bổ sung 22ha)	62,00	40,00	22,00	SKX	xã Đăk La
Đất làm VLXDĐT ( <i>Đất san lấp</i> ) số hiệu BS 29 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring	3,00		3,00	SKX	Xã Đăk Hring
Đất làm VLXDĐT ( <i>Đất san lấp</i> ) số hiệu BS 30 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring	4,69		4,69	SKX	Xã Đăk Hring
Đất san lấp phục vụ đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật: Đường từ Tỉnh lộ 671 ( <i>thôn 1 Hà Môn</i> ) đến đường Lê Hồng Phong ( <i>Trung tâm Dạy nghề huyện</i> )	3,25		3,25	SKX	xã Đăk Ngọc

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 2,6ha; xã Đăk Pxi: 6,3ha; xã Đăk Hring: 10,5ha; xã Đăk Ngọc: 3,3ha; xã Đăk La: 62ha.

**2.2.8. Đất phát triển hạ tầng (DHT):**

- Đất phát triển hạ tầng hiện trạng năm 2022 là 4.431,3ha, đến năm 2023 diện tích là 4.513,6ha chiếm 5,34% tổng diện tích tự nhiên; tăng 82,3ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó: Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4.431,1ha; diện tích thực tăng là 83,5ha; diện tích thực giảm là 0,2ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 236,3ha; xã Đăk Pxi: 449,4ha; xã Đăk Hring: 232,5ha; xã Đăk Mar: 792,8ha; xã Đăk Ngok: 434,7ha; xã Đăk Ui: 188,6ha; xã Đăk La: 392,8ha; xã Hà Mòn: 1.168,1ha; xã Ngok Wang: 259,7 ha; xã Ngok Réo: 111,0ha; thị trấn Đăk Hà: 247,6ha.

**\* Trong đó các loại đất chi tiết như sau:****a. Đất giao thông (DGT):**

Đất giao thông: Hiện trạng năm 2022 là 1.014,6ha, đến năm 2023 diện tích là 1.041,3ha chiếm 1,24% tổng diện tích tự nhiên; tăng 26,7ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1.013,1ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 1,5ha (do chuyển sang đất thủy lợi).

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 28,2ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa nước là 0,3 ha; đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 9,8 ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 14,6ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 3,3ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối chuyển sang 0,2ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giao thông thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đất giao thông xã Đăk Pxi: Mở rộng đường lên khu sản xuất Đăk Pe	2,50	0,50	2	DGT	Xã Đăk Pxi
Đất giao thông xã Đăk Pxi: Mở rộng đường lên khu sản xuất Đăk Xoa	1,20	0,40	0,8	DGT	Xã Đăk Pxi
Đất giao thông - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0,86		0,86	DGT	Xã Đăk Pxi
Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngok Wang đi xã Ngok Réo	18,40	16,00	2,4	DGT	xã Ngok Wang, xã Ngok Réo
Đường giao thông thôn Kon Hơ Dré (Đoạn từ cuối đường liên thôn ra đường đi khu sản xuất Đăk Joang)	1,80	0,90	0,9	DGT	Xã Ngok Réo
Đường vào Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin	5,00	2,00	3	DGT	Xã Ngok Réo
Đất giao thông - Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Kon Hnông Yốp và thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	0,65		0,65	DGT	Xã Đăk Hring
Đất giao thông - Đề án khai thác quỹ đất để	0,84		0,84	DGT	Xã Đăk Hring

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đất giao thông - Dự án Khai thác quỹ đất khu vực 4,7 ha tại xã Đăk Mar	0,63		0,63	DGT	xã Đăk Mar
Đất giao thông - Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok)	0,28		0,28	DGT	Xã Đăk Ngok
Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn Kon Pao Kơ La xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đăk Hà).	18,83		18,83	DGT	Xã Đăk Pxi

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 67,7ha; xã Đăk Pxi: 114,8ha; xã Đăk Hring: 93,8ha; xã Đăk Mar: 98ha; xã Đăk Ngok: 72,9ha; xã Đăk Ui: 57,5ha; xã Đăk La: 122,2ha; xã Hà Mòn: 100,4ha; xã Ngok Wang: 97,1ha; xã Ngok Réo: 71,3ha; thị trấn Đăk Hà: 145,6ha.

*b. Đất thủy lợi (DTL):*

Đất thủy lợi: Hiện trạng năm 2022 là 906,7ha, đến năm 2023 diện tích là 956,7ha chiếm 1,13% tổng diện tích tự nhiên; tăng 50ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 906,7ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 73,2ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa chuyển sang 3,6ha đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 2,6 ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 41,8ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 0,5ha, đất giao thông chuyển sang 1,5ha để thực hiện dự án Nâng cấp Đập thủy lợi Đăk Cẩm tại xã Ngok Wang.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 21,4ha; xã Đăk Pxi: 5ha; xã Đăk Hring: 24,7ha; xã Đăk Mar: 63,8ha; xã Đăk Ngok: 325,9ha; xã Đăk Ui: 112,0ha; xã Đăk La: 172,1ha; xã Hà Mòn: 55,3ha; xã Ngok Wang: 146,1 ha; xã Ngok Réo: 21,1ha; thị trấn Đăk Hà: 9,4ha.

*c. Đất cơ sở văn hóa (DVH):*

Đất cơ sở văn hóa: Hiện trạng năm 2022 là 1,5ha, đến năm 2023 diện tích là 2,1ha chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,6ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1,5ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,6ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất văn hóa để thực hiện các công trình, dự án khai thác quỹ đất tại xã Đăk Hring và Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 0,3ha; xã Đăk Hring: 0,4ha; xã Hà Môn: 0,3ha; xã Ngọc Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 1,0ha.

*d. Đất cơ sở y tế (DYT):*

Đất cơ sở y tế: Hiện trạng năm 2022 là 4,8ha, đến năm 2023 diện tích là 5,0ha chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,2ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,8ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,2ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án trạm y tế xã Đăk Pxi.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,7ha; xã Đăk Pxi: 0,2ha; xã Đăk Hring: 0,3ha; xã Đăk Mar: 0,1ha; xã Đăk Ngọc: 0,5ha; xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 0,2ha; xã Hà Môn: 0,2ha; xã Ngọc Wang: 0,6ha; xã Ngọc Réo: 0,2ha; thị trấn Đăk Hà: 1,8ha.

*e Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD):*

Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Hiện trạng năm 2022 là 65,1ha, đến năm 2023 diện tích là 65,5ha chiếm 0,08% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,4ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 64,9ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2ha do chuyển sang đất công an để xây dựng Nhà làm việc Công an xã Đăk La.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,8ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giáo dục thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Mở rộng Trường Mầm non Ngọc Réo	1,69	1,50	0,19	DGD	xã Ngọc Réo
Đất trường Mầm non - Tiểu học - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0,05		0,05	DGD	Xã Đăk Pxi
Đất giáo dục - Dự án Khai thác quỹ đất khu vực 4,7 ha tại xã Đăk Mar	0,14		0,14	DGD	xã Đăk Mar
Đất giáo dục - Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	0,41		0,41	DGD	Xã Đăk Hring
Trường mầm non Họa My (ông Hoàng Minh Tuấn đăng ký)	0,06	0,03	0,03	DGD	Thị trấn Đăk Hà
Trường Phổ thông DTNT huyện Đăk Hà	3,00	3,00	0	DGD	Thị trấn Đăk Hà

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 3,8ha; xã Đăk Pxi: 4,8 ha; xã Đăk Hring: 8,5ha; xã Đăk Mar: 6,2ha; xã Đăk Ngọc: 2,5ha; xã

Đăk Ui: 4,3ha; xã Đăk La: 5,9ha; xã Hà Mòn: 2,9ha; xã Ngọk Wang: 4,8 ha; xã Ngọk Réo: 2,1ha; thị trấn Đăk Hà: 19,8ha.

*g. Đất cơ sở thể dục - thể thao (DTT):*

Đất cơ sở thể dục - thể thao: Hiện trạng năm 2022 là 27,6ha, đến năm 2023 diện tích là 30,2ha chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên; tăng 2,6ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 27,6ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 2,6ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang để thực hiện các công trình, dự án sau:
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở thể dục - thể thao thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Khu thể thao thôn7	0,50		0,50	DTT	xã Ngọk Wang
Khu thể thao thôn Kon Brông	0,80		0,80	DTT	xã Ngọk Wang
Đất khu thể thao - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	0,25		0,25	DTT	xã Đăk Pxi
Đất khu thể thao- Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Kon Hnông Yốp và thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	0,29		0,29	DTT	Xã Đăk Hring
Đất khu thể thao - Đề án Khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	0,71		0,71	DTT	Xã Đăk Hring

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1,9ha; xã Đăk Pxi: 1,4ha; xã Đăk Hring: 4,8ha; xã Đăk Mar: 3,2ha; xã Đăk Ngọk: 1,3ha; xã Đăk Ui: 1,8ha; xã Đăk La: 2,6ha; xã Hà Mòn: 0,1ha; xã Ngọk Wang: 3,6ha; xã Ngọk Réo: 2,5ha; thị trấn Đăk Hà: 6,8ha.

*h. Đất công trình năng lượng (DNL):*

Đất công trình năng lượng: Hiện trạng năm 2022 là 2.297,8ha, đến năm 2023 diện tích là 2.99,1 chiếm 2,72% tổng diện tích tự nhiên; tăng 1,3ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2,297,8ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 1,3ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang 0,01ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,29ha để thực dự án Đường dây 220kV Bờ Y- Kon Tum đoạn qua huyện Đăk Hà.
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 132,2ha; xã Đăk Pxi: 315ha; xã Đăk Hring: 89,1ha; xã Đăk Mar: 615,9ha; xã Đăk Ngọk: 22,7ha; xã Đăk La: 72,7ha; xã Hà Mòn: 990,2ha; xã Ngọk Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 61,0ha.

*i. Đất бру chính viễn thông (DBV):*

- Đất công trình бру chính viễn thông: Hiện trạng năm 2022 là 1ha, đến năm 2023 diện tích là 1,1 chiếm 0,0001% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,1ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1,0ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,1ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa chuyên sang 0,1ha; để xây dựng Bru điện văn hóa xã Đăk Ngok.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Hring: 0,2ha; xã Đăk Ngok: 0,2ha; xã Đăk Ui: 8.569,1ha; xã Ngok Wang: 0,3ha; xã Ngok Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 0,2ha.

*k. Đất có di tích lịch sử văn hóa (DDT):*

Đất có di tích lịch sử văn hóa: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 3,4ha chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 1,1ha; xã Hà Mòn: 2,1ha.

*l. Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):*

Đất bãi thải, xử lý chất thải: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 5,2ha chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên (*thuộc xã Hà Mòn*).

*m. Đất tôn giáo (TON):*

Đất tôn giáo: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 13,6ha chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 1,5ha; xã Đăk Mar: 3,4ha; xã Đăk Ui: 1,6ha; xã Đăk La: 5,1ha; xã Hà Mòn: 2.513,9ha; xã Ngok Wang: 1,1 ha; xã Ngok Réo: 0,7ha; thị trấn Đăk Hà: 0,3ha.

*n. Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD):*

Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 88,2ha chiếm 0,10% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 8,6ha; xã Đăk Pxi: 6,1ha; xã Đăk Hring: 10,5ha; xã Đăk Mar: 2,1ha; xã Đăk Ngok: 8,9ha; xã Đăk Ui: 11,1ha; xã Đăk La: 10,8ha; xã Hà Mòn: 11,4ha; xã Ngok Wang: 5,8 ha; xã Ngok Réo: 12,8ha; thị trấn Đăk Hà: 0,1ha.

*o. Đất chợ (DCH):*

Đất chợ: Hiện trạng năm 2022 là 1,8ha, đến năm 2023 diện tích là 2,2ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,04ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1,8ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,4ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyên sang 1,4ha; đất giáo dục chuyển sang để thực hiện chuyển mục đích làm chợ đầu mối- Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 0,4 ha; xã Đăk Hring: 0,3 ha; xã Hà Mòn: 0,03ha; xã Ngọc Wang: 0,3 ha; thị trấn Đăk Hà: 1,2ha.

### **2.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):**

- Đất sản sinh hoạt cộng đồng: Hiện trạng năm 2022 là 15,7ha, đến năm 2023 diện tích là 15,5ha chiếm 1,28% tổng diện tích tự nhiên; giảm 0,2ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 15,5ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2ha do chuyển sang đất an ninh (làm trụ sở công an xã Đăk Ui và xã Đăk Pxi) là 0,2ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,1ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất xây dựng trụ sở các cơ quan sự nghiệp để làm nhà văn hóa thôn 5, xã Hà Mòn.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,6ha; xã Đăk Pxi: 0,9ha; xã Đăk Hring: 0,7ha; xã Đăk Mar: 0,9ha; xã Đăk Ngọc: 3,1ha; xã Đăk Ui: 1,1ha; xã Đăk La: 1,0ha; xã Hà Mòn: 1,6ha; xã Ngọc Wang: 0,7ha; xã Ngọc Réo: 1,8ha; thị trấn Đăk Hà: 3,5ha.

### **2.2.10. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV):**

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Hiện trạng năm 2022 là 4,7ha, đến năm 2023 diện tích là 6,9 ha chiếm 0,01%, tổng diện tích tự nhiên; tăng 2,2ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,7ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 2,2ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 2,2ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đất cây xanh, công viên - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	2,0		2,0	DKV	Xã Đăk Pxi
Đất cây xanh công viên - Đề án Khai thác quỹ đất khu vực 4.7 ha tại xã Đăk Mar	0,20		0,20	DKV	xã Đăk Mar

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,9ha; xã Đăk Pxi: 2ha; xã Đăk Mar: 0,2ha; xã Đăk Ngọc: 0,4ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Đăk La: 0,4ha; xã Hà Mòn: 0,8ha; thị trấn Đăk Hà: 2ha.

### **2.2.11. Đất ở tại nông thôn (ONT):**

- Đất ở tại nông thôn: Hiện trạng năm 2022 là 627,7ha, đến năm 2023 diện tích là 657,0 chiếm 0,78% tổng diện tích tự nhiên; tăng 29,2ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 627,7 ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 29,2ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa sang 2ha; đất trồng cây hàng năm sang 0,3ha; đất trồng cây lâu năm sang 27ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại nông thôn thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đất ở tại nông thôn (các lô đất ở gia đình) - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà:	7,20		7,2	ONT	Xã Đăk Pxi
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Pxi	0,50	-	0,5	ONT	Xã Đăk Pxi
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Hring	0,45		0,45	ONT	Xã Đăk Hring
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Mar	0,25	-	0,25	ONT	Xã Đăk Mar
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ngok	1,45		1,45	ONT	xã Đăk Ngok
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk La	1,60		1,6	ONT	xã Đăk La
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Hà Mòn	2,90		2,9	ONT	Xã Hà Mòn
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngok Wang	0,46		0,46	ONT	xã Ngok Wang
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngok Réo	0,30		0,3	ONT	xã Ngok Réo
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ui	0,20		0,2	ONT	Xã Đăk Ui
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Long	0,35		0,35	ONT	Xã Đăk Long
Đất ở tại nông thôn - Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok)	1,96		1,96	ONT	xã Đăk Ngok
Đất ở tại nông thôn - Dự án Khai thác quỹ	3,74	-	3,74	ONT	Xã Đăk Mar

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
đất khu vực 4,7 ha tại xã Đăk Mar					
Đất ở tại nông thôn - Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, lô 2, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	4,52	-	4,52	ONT	Xã Đăk Hring
Đất ở tại nông thôn - Đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Phía Tây Quốc lộ 14, lô 2, thôn Kon Hông Yốp và thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	3,40	-	3,4	ONT	Xã Đăk Hring
Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Đăk Hring đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0,06	0,06	0	ONT	Xã Đăk Hring
Đấu giá QSD đất ở và tài sản gắn liền với đất tại vị trí đất nhà ở bác sỹ được UBND tỉnh điều chuyển cho UBND huyện quản lý, sử dụng	0,04	0,04	0	ONT	Xã Đăk Mar
Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại xã Đăk Mar	1,50	1,50	0	ONT	Xã Đăk Mar
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Đăk Mar	0,03	0,03		ONT	Xã Đăk Mar
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Hà Mòn	0,02	0,02	0	ONT	Xã Hà Mòn
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thôn 1, xã Đăk La	0,01	0,01	0	ONT	xã Đăk La
Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 (thửa đất số 12 tờ bản đồ 69), tại thôn 3, đường Trường Chinh	0,01	0,01	0	ONT	Xã Hà Mòn
Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Đình Chiểu, thôn 5, xã Hà Mòn (lô 32, 52, khu A; lô 39, khu K)	0,09	0,09	0	ONT	Xã Hà Mòn
Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại xã Hà Mòn	2,00	2,00	0	ONT	Xã Hà Mòn
Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Ngọc Wang đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0,15	0,15	0	ONT	xã Ngọc Wang
Đấu giá QSD sử dụng đất tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 28 - tại xã Ngọc Réo	0,07	0,07	0	ONT	xã Ngọc Réo

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 27,8ha; xã Đăk Pxi: 36,9 ha; xã Đăk Hring: 124,3ha; xã Đăk Mar: 114,6ha; xã Đăk Ngọc: 48ha;

xã Đăk Ui: 43,9ha; xã Đăk La: 91,0ha; xã Hà Môn: 91,1ha; xã Ngọc Wang: 50 ha; xã Ngọc Ráo 29,5ha.

### 2.2.12. Đất ở tại đô thị (ODT):

Đất ở tại đô thị: Hiện trạng năm 2022 là 204,7ha, đến năm 2023 diện tích là 210,4ha chiếm 0,25% tổng diện tích tự nhiên; tăng 5,6ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 204,7ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 5,6ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 5,6ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại đô thị thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm:

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân thị trấn Đăk Hà	5,60		5,6	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Thượng Hiền, Tổ dân phố 2B, thị trấn Đăk Hà	0,17	0,17	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Hai Bà Trưng, thị trấn Đăk Hà	0,13	0,13	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại khu E, tổ dân phố 7, thị trấn Đăk Hà	0,24	0,24		ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731, tại TDP 2B, thị trấn Đăk Hà	0,06	0,06	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Quang Trung, thị trấn Đăk Hà	0,03	0,03		ODT	Thị trấn Đăk Hà
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thị trấn Đăk Hà (gồm 11 vị trí)	0,10	0,10	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý đã đưa ra đấu giá năm 2022 nhưng khách hàng không nộp tiền hoặc không có người tham gia đấu giá	0,20	0,20	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đấu giá đất nhỏ hẹp thuộc quỹ đất tạo vốn do UBND thị trấn quản lý tại thị trấn Đăk Hà (04 vị trí)	0,03	0,03	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại thị trấn Đăk Hà	0,18	0,18	0	ODT	Thị trấn Đăk Hà

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
(tại đường Hùng Vương, đường Hoàng Thị Loan, đường Nguyễn Bình Khiêm)					

- Toàn diện tích đất ở đô thị thuộc thị trấn Đắk Hà.

### **2.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):**

Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2022 là 12ha, đến năm 2023 diện tích là 11,6ha chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; giảm 0,4ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 11,4ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,5ha do chuyển sang đất quốc phòng là 0,1ha; đất an ninh là 0,4ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,1ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 0,1ha để thực hiện chuyển mục đích tại Dự án Khai thác quỹ đất khu vực 4,7 ha - xã Đắk Mar (Đất trụ sở cơ quan dự trữ).

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đắk Long: 1,2ha; xã Đắk Pxi: 0,3 ha; xã Đắk Hring: 0,6ha; xã Đắk Mar: 1,0ha; xã Đắk Ngọc: 1,5ha; xã Đắk Ui: 0,6ha; xã Đắk La: 0,4ha; xã Hà Mòn: 0,8ha; xã Ngọc Wang: 0,8ha; xã Ngọc Réo: 0,6ha; thị trấn Đắk Hà: 3,6ha.

### **2.2.14. Đất xây dựng trụ sở các cơ quan sự nghiệp (DTS):**

Đất xây dựng trụ sở cơ quan sự nghiệp: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 2,5ha, chiếm 0,0001% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đắk Hring: 0,3ha; xã Đắk Ngọc: 0,2ha; xã Hà Mòn: 1,1 ha; xã Ngọc Wang: 0,1ha; thị trấn Đắk Hà: 0,7ha.

### **2.2.15. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối (SON):**

Đất sông ngòi, kênh, rạch suối: Hiện trạng năm 2022 là 711,5ha, đến năm 2023 diện tích là 711,3ha chiếm 0,84% tổng diện tích tự nhiên; giảm 0,2ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 711,3ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,0ha.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đắk Long: 88,9ha; xã Đắk Pxi: 134,8 ha; xã Đắk Hring: 87,3ha; xã Đắk Mar: 16,4ha; xã Đắk Ngọc: 28,5ha; xã Đắk Ui: 74,2ha; xã Đắk La: 30,1ha; xã Hà Mòn: 4,2ha; xã Ngọc Wang: 92,4ha; xã Ngọc Réo: 128,5ha; thị trấn Đắk Hà: 26,1ha.

### **2.2.16. Đất mặt nước chuyên dùng (MNC):**

Đất mặt nước chuyên dùng: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 49,9ha chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đắk Pxi: 0,1ha; xã Đắk Mar: 11,6ha; xã Đắk Ngọc: 6ha; xã Đắk Ui: 2,5ha; xã Đắk La: 9,3ha; xã Hà Mòn: 12,5ha; xã Ngọc Wang: 0,5ha; xã Ngọc Réo: 1,8ha; thị trấn Đắk Hà: 5,6ha.

### 2.3 Đất chưa sử dụng (CSD):

Đất chưa sử dụng: Hiện trạng năm 2022 là 2.925,1ha, đến năm 2023 diện tích là 2.908,8ha chiếm 3,43%, tổng diện tích tự nhiên; giảm 16,3ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.908,8ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 16,3ha; diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp 9,0ha; chuyển sang đất phi nông nghiệp 7,3ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 645ha; xã Đăk Pxi: 1.274,6ha; xã Đăk Hring: 146,6ha; xã Đăk Mar: 8,3ha; xã Đăk Ngok: 48,8ha; xã Đăk Ui: 699,4ha; xã Đăk La: 28ha; xã Ngok Wang: 15,3ha; xã Ngok Réo: 42,5ha; thị trấn Đăk Hà: 0,4ha.

### 3. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023:

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 là 316,7ha; trong đó:

- + Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp: 6,0ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp: 38,1ha.
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 203,9ha.
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 68,8ha.

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 07/CH.*

### 4. Diện tích đất cần thu hồi:

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2023 là **317,9ha**, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp: **313,7ha**, trong đó:
  - + Thu hồi đất trồng lúa: 9ha.
  - + Thu hồi đất trồng cây hàng năm khác: 115,7ha.
  - + Thu hồi đất trồng cây lâu năm: 185,2ha.
  - + Thu hồi đất rừng sản xuất: 3,8 ha.
- Thu hồi đất phi nông nghiệp: **2,1ha**, trong đó:
  - + Thu hồi đất phát triển hạ tầng: 1,7 ha.
  - + Thu hồi đất sinh hoạt cộng đồng: 0,2 ha.
  - + Thu hồi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,2ha.
- Thu hồi đất chưa sử dụng: **2,1ha**.

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 08/CH.*

### 5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch 2023:

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là **16,3** ha trong đó:

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp: **9ha**; trong đó:
  - + Diện tích sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm là 6,9ha.
  - + Diện tích sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác là 2,1ha.
- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp **7,3ha**;  
(Diện tích đưa vào sử dụng v mục đích đất quốc phòng 7,3ha).

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH*

**6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch:** Gồm 96 danh mục công trình, dự án.

*(Xem chi tiết phụ lục biểu 10 CH).*

**7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023:**

- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/QH14 ngày 11/11/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuê sử dụng đất nông nghiệp.
- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định 01/2018/NĐ-CP ngày 06/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum.
- Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014.
- Căn cứ Quyết định số 529/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ- UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 sửa đổi bổ sung điều 9 của Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **7.1. Dự kiến các khoản thu:**

#### **Các khoản thu:**

Cơ sở để tính toán các khoản thu trong kế hoạch sử dụng năm 2023 huyện Đăk Hà dựa vào Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022. Do cùng một loại đất nhưng ở nhiều vị trí khác nhau nên đơn giá sẽ khác nhau, nên đơn giá được sử dụng trong báo cáo thuyết minh các khoản thu chi về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà sẽ được tính theo đơn trung bình giữa giá đất tại vị trí có đơn giá cao nhất và vị trí có đơn giá

thấp nhất trong bảng giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum. Chi tiết giá đất về các khoản thu như sau:

Đơn giá khi giao đất ở tại nông thôn là 4,9 tỷ đồng/ha (giá đất ở tại nông thôn có đơn giá cao nhất trên địa bàn huyện Đăk Hà thuộc xã Hà Môn thuộc QL 14 đoạn từ giáp ranh đất thị trấn phía nam đến trụ sở trạm bảo vệ thực vật, tại các VT1, VT2 có đơn giá lần lượt là 1,72 triệu đồng/m<sup>2</sup>; 0,72 triệu đồng/m<sup>2</sup>, giá đất ở tại nông thôn có đơn giá thấp nhất là 40 nghìn đồng/m<sup>2</sup> tại các vị trí còn lại trên địa bàn các xã các khu vực không nằm trong mục đất ở tại nông thôn các xã thuộc huyện Đăk Hà theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum). Vậy giá đất ở tại nông thôn trung bình tại các vị trí trên địa bàn huyện Đăk Hà là 4,9 tỷ đồng /ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,5.

Tương tự như cách tính đơn giá khi giao đất ở tại nông thôn: Đơn giá đất khi giao đất ở tại đô thị là 8,95 tỷ đồng/ha (Giá đất ở tại đô thị có đơn giá cao nhất trên địa bàn thị trấn Đăk Hà thuộc trục đường chính QL 14 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến đường Hoàng Thị Loan tại các VT1, VT2, VT3 có đơn giá lần lượt là 2,4 triệu đồng/m<sup>2</sup>; 1,68 triệu đồng/m<sup>2</sup>; 1,2 triệu đồng/m<sup>2</sup>, giá đất ở tại đô thị có đơn giá thấp nhất là các vị trí còn lại (các khu vực không nằm trong mục IV-Đất ở tại đô thị huyện Đăk Hà theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum) thuộc khu vực tổ dân phố 4B (Cổng 3 lỗ) tại VT1 có đơn giá là 90 nghìn đồng/m<sup>2</sup>. Vậy giá đất ở tại đô thị trung bình tại các vị trí trên địa bàn thị trấn Đăk Hà là 8,95 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,5.

Giá đất thương mại dịch vụ ở nông thôn và ở đô thị đều bằng 80% giá đất ở tại có cùng vị trí, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,5; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ ở nông thôn và đô thị đều bằng 80% giá đất ở tại cùng vị trí, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,5; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá đất cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tại nông thôn là 0,4 tỷ đồng /ha, tại đô thị là 0,55 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,2 theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá các loại đất nông nghiệp áp dụng theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và hệ số điều chỉnh áp dụng theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022.

**\* Tổng các khoản thu dự kiến trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 362,65 tỷ đồng; bao gồm:**

- Thu tiền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 337 tỷ đồng; trong đó:
- + Thu tiền sử dụng đất ở tại nông thôn (chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất) = diện tích đất ở tại nông thôn thực hiện trong năm kế hoạch x giá đất ở tại nông thôn x hệ số điều chỉnh: 33,5 ha x 4,9 tỷ đồng/ha x 1,5 = 246,52 tỷ đồng.

+ Thu tiền sử dụng đất ở tại đô thị (*chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất*) = diện tích đất ở tại đô thị thực hiện trong năm kế hoạch x giá đất ở tại đô thị x hệ số điều chỉnh:  $6,7 \text{ ha} \times 8,95 \text{ tỷ/ha} \times 1,5 = 90,48 \text{ tỷ đồng}$ .

- Thu từ tiền thuê đất là **25,64** tỷ đồng, trong đó:

+ Thu tiền thuê đất thương mại dịch vụ khu vực nông thôn = diện tích đất thương mại dịch vụ trong năm kế hoạch tại khu vực nông thôn x giá đất thương mại dịch vụ (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm:  $10,2 \text{ ha} \times 3,92 \text{ tỷ/ha} \times 1,5 / 50 = 1,2 \text{ tỷ đồng}$ .

+ Thu tiền thuê đất thương mại dịch vụ khu vực đô thị: diện tích đất thương mại dịch vụ trong năm kế hoạch tại khu vực đô thị x giá đất thương mại dịch vụ (80% giá đất ở liền kề) x hệ số /thời hạn thuê đất 50 năm  $2 (2,3 \text{ ha} \times 7,16 \text{ tỷ/ha} \times 1,5) / 50 = 0,49 \text{ tỷ đồng}$ .

+ Thu tiền thuê đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp khu vực nông thôn = Diện tích đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch tại khu vực nông thôn x giá đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm  $(160,3 \text{ ha} \times 3,92 \text{ tỷ/ha} \times 1,5) / 50 = 18,85 \text{ tỷ đồng}$ .

+ Thu tiền thuê đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp khu vực đô thị = Diện tích đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch tại khu vực đô thị x giá đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm  $(19,8 \text{ ha} \times 7,16 \text{ tỷ/ha} \times 1,5) / 50 = 4,26 \text{ tỷ đồng}$ .

- Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản (khu vực nông thôn) = diện tích đất cụm công nghiệp, Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch x giá đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản x hệ số /thời hạn thuê đất 50 năm:  $(87,7 \text{ ha} \times 0,4 \text{ tỷ/ha} \times 1,2) / 50 = 0,84 \text{ tỷ đồng}$ .

### **Dự kiến các khoản thu trong kế hoạch 2023 huyện Đắk Hà**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Đơn giá		Thời hạn SD đất (năm)	Thành tiền tỷ đồng	Ghi chú
			Đơn giá (tỷ/ha)	Hệ số điều chỉnh			
	<b>Dự kiến các nguồn thu:</b>					<b>362,65</b>	
<b>I</b>	<b>Giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất</b>					<b>337,00</b>	
1	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	33,54	4,90	1,50	Lâu dài	246,52	Các xã
2	Thu từ giao đất ở tại đô thị	6,74	8,95	1,50	Lâu dài	90,48	Thị Trấn
<b>II</b>	<b>Thuê đất</b>					<b>25,64</b>	
1	Thu từ thuê đất TMDV khu vực nông thôn	10,2	3,92	1,50	50,00	1,20	Các xã
2	Thu từ thuê đất TMDV khu vực đô thị	2,3	7,16	1,50	50,00	0,49	Thị Trấn
	Thu từ thuê đất SKC, SKN khu vực nông thôn	160,3	3,92	1,50	50,00	18,85	Các xã
4	Thu từ thuê đất SKC, SKN, khu vực đô thị	19,82	7,16	1,50	50,00	4,26	Thị Trấn

6	Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản (khu vực nông thôn)	87,67	0,40	1,20	50,00	0,84	Các xã
---	---	-------	------	------	-------	------	--------

### 1.7.2. Dự kiến các khoản chi:

#### Các khoản chi :

Cơ sở để tính toán các khoản chi trong kế hoạch sử dụng năm 2023 huyện Đắk Hà dựa vào Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Chi phí bồi thường sẽ bằng diện tích thu hồi nhân với hệ số điều chỉnh, chi phí bồi thường của từng loại đất và hệ số điều chỉnh theo bảng giá đất hiện hành cụ thể như sau:

Chi phí bồi thường cho đất trồng lúa: tại thị trấn Đắk Hà là 0,3 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,5; tại các xã là 0,29 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,5.

Chi phí bồi thường cho đất trồng cây hàng năm khác: tại thị trấn Đắk Hà là 0,12 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2,1; tại các xã là 0,11 tỷ đồng/ha; hệ số điều chỉnh là 1,8.

Chi phí bồi thường cho đất trồng cây lâu năm: tại thị trấn Đắk Hà là 0,1 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,9; tại các xã là 0,09 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,9.

Chi phí bồi thường cho đất rừng sản xuất tại thị trấn Đắk Hà là 0,065 tỷ đồng/ha, tại các xã là 0,05 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh đất rừng sản xuất tại thị trấn Đắk Hà và các xã đều là 1,4.

Chi phí bồi thường cho đất nuôi trồng thủy sản: tại thị trấn Đắk Hà là 0,16 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,9; tại các xã là 0,14 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,8.

Chi phí bồi thường cho đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị áp dụng mức bình quân tại mục 7.1.

**\* Tổng các khoản chi trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 263,3 tỷ đồng; bao gồm:**

#### Dự kiến các khoản chi trong kế hoạch 2023 huyện Đắk Hà

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Thành tiền				Ghi chú
			Đơn giá (tỷ/ha)	Hệ số điều chỉnh	Thời hạn SD (năm)	tỷ đồng	
	<b>Dự kiến các khoản chi:</b>					<b>235,45</b>	
1	Chi cho thu hồi đất ruộng lúa 2 vụ	-	0,30	1,50	50	-	Thị Trấn
		9,0	0,29	1,50		3,90	Các xã
2	Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm	-	0,12	2,10	50	-	Thị Trấn
		115,7	0,11	1,80		22,91	Các xã
3	Chi cho thu hồi đất trồng cây lâu năm	5,9	0,10	1,90	50	1,12	Thị Trấn
		179,0	0,09	1,90		30,67	Các xã
4	Chi cho thu hồi đất rừng sản xuất, phòng hộ	-	0,07	1,40	50	-	Thị Trấn
		3,8	0,05	1,40		0,27	Các xã
5	Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	-	0,16	1,90	50	-	Thị Trấn
		-	0,14	1,80		-	Các xã

6	Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn	-	4,90	1,50	Lâu dài	-	Các xã
7	Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị	-	8,95	1,50	Lâu dài	-	
8	Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp					176,59	(gấp 3 lần giá đất thu hồi)

**\* Cân đối thu chi: (362,65- 235,45) tỷ đồng = 127,2 tỷ đồng.**

Trên cơ sở lấy đất thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, dựa theo bảng giá đất hiện hành của địa phương và các phương pháp tính toán được luật quy định, mà trong năm 2023 huyện Đắk Hà có các khoản thu từ giao đất, cho thuê đất. Các khoản chi cho việc bồi thường đất, bồi thường về cây trồng trên đất, di dời, tái định cư, chuyển đổi nghề. Cân đối thu chi là 100,43 tỷ đồng. Số liệu trên chỉ là số liệu dự kiến mang tính chất tham khảo do vị trí các thửa đất, các dự án ở từng địa điểm khác nhau nên cùng một loại đất nhưng ở các vị trí khác nhau sẽ có đơn giá khác nhau và cần có công tác kiểm đếm, đánh giá thực trạng về cây trồng trên đất. Vì vậy đơn giá trong báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà để tính toán dự kiến thu-chi là đơn giá trung bình theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum và Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Phần IV****GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT****1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:****1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất:**

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác, trồng rừng thay thế diện tích bị thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện các công trình dự án, để tăng độ che phủ đất bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, xen canh với các cây họ đậu, ... đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Bảo vệ và cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa nước; mở rộng diện tích đất trồng lúa nước ở những vùng có điều kiện về tưới, tiêu; thực hiện tốt việc hỗ trợ vốn cho địa phương, người trồng lúa theo nghị định số 62/2017/NĐ - CP về bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

**1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường.**

- Tổ chức tốt hệ thống thu gom, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, thực hiện xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải đảm bảo về môi trường công nghiệp.

- Cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường kiểm tra môi trường các cơ sở sản xuất nuôi trồng thủy sản.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005; Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 13 ngày 23/06/2014; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

**2. Các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023:**

- Thực hiện việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt để cho các tổ chức, cá nhân được biết và nâng cao công tác giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm túc KHSD đất năm 2023 đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất đúng theo quy hoạch và pháp luật. Quản lý chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; quy hoạch, kế

---

hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở KHSD đã được phê duyệt.

- Xác định ranh giới trên bản đồ, ngoài thực địa và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt cho các xã.

- Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải tuân thủ theo KHSD đất năm 2023 đã được phê duyệt.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, KHSD đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm QH, KHSD đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai.

- Quản lý chặt chẽ cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch; tiết kiệm cao nhất diện tích đất trồng lúa nước phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Thực hiện tốt việc đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với lao động có đất bị thu hồi.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường cần mở các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, pháp luật đất đai cho cán bộ địa chính cấp xã để làm tốt công tác quản lý, sử dụng đất của địa phương.

- Hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy các xã chưa được đo đạc để công tác quản lý, sử dụng đất được tốt hơn, chặt chẽ hơn.

## **Phần V**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được xây dựng trên cơ sở: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Hà đã được phê duyệt tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện và cấp huyện xác định thêm cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện và các ngành trong năm 2023. Báo cáo đã đánh giá biến động sử dụng đất; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định những tồn tại để làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho các ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

Kết quả lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo quy định lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường; xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện và nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế - xã hội của huyện, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2023 theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện đã được phê duyệt và quy hoạch của các ngành, chương trình của huyện đến năm 2023.

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của huyện.

#### **II. KIẾN NGHỊ**

- Để sớm khai thác tiềm năng đất đai vào phát triển kinh tế - xã hội, có tốc độ phát triển kinh tế cao vượt mặt bằng chung của tỉnh, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh, các Bộ, Ngành của Trung ương sớm triển khai và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình cấp trên tại địa bàn huyện như các công trình phục vụ mục đích quốc phòng, xây dựng các tuyến đường kết nối với đường Hồ Chí Minh các tuyến đường huyện, liên huyện, kết cấu hạ tầng khu trung tâm huyện, các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng nông thôn mới... và huyện rất cần được Trung ương và các ngành đầu tư vốn hỗ trợ hàng năm để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội nhằm tạo điều kiện cho địa phương có điều kiện khai thác các nguồn tài nguyên vào phát triển kinh tế- xã hội.

- Đề nghị UBND tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum xét duyệt Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà để UBND huyện có căn cứ pháp lý thực hiện việc giao đất, cho thuê đất chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.